



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ



Tháng 4 - 2012

Bộ Xây dựng quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương IV, khóa XI

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2012



Ủy viên Trung ương Đảng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phổ biến và quán triệt Nghị quyết tới toàn thể cán bộ chủ chốt của Bộ Xây dựng



Các đại biểu dự Hội nghị

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

8

SỐ 8 - 4/2012

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức 5
- Nghị định số 36/2012/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ 6
- Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 – 2020 7
- Quyết định số 419/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập 8
- Quyết định số 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 9
- Quyết định số 1781/QĐ-BCT của Bộ Công thương phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị xây dựng giai đoạn 2009 - 2020, có xét đến năm 2020 11

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre 12
- Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định quản lý quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 13



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu các dự thảo tiêu chuẩn: “Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục lắp trên ô tô chở hàng”, “Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục tự hành”, “Cần trục - sử dụng an toàn - cầu trục và cần trục cổng” 15
- Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo chất tạo bọt sử dụng trong sản xuất bê tông nhẹ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vật liệu không nung” 17
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Ba Đồn mở rộng là đô thị loại IV 19
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III 21
- Hội thảo “Ứng dụng cừ bản bê tông dự ứng lực trong xây dựng hạ tầng” 23
- Thí nghiệm kiểm tra hàm lượng bọt khí trong bê tông 25
- Thảo luận về việc áp dụng các công nghệ thi công mới trong xây dựng ở Trung Quốc 26
- Sử dụng công nghệ bê tông đầm lăn trong xây dựng cầu đường ở Liên bang Nga 28
- Hệ thống tận dụng nhiệt khí thải FLSmidth 30

Thông tin

- Bộ Xây dựng quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XI 32
- Nghiệm thu giai đoạn hoàn thành xây dựng chuẩn bị ngăn sông đọt 1 Thủy điện Lai Châu 33
- Những kinh nghiệm và gợi ý về nhất thể hóa đô thị - nông thôn của các nước phát triển 34
- Mục tiêu tiết kiệm năng lượng trong xây dựng tại các thành phố lớn của Trung Quốc năm 2012 38
- Thị trấn cổ, thôn cổ: quá trình bảo vệ và mô thức điển hình 41
- Thành phố Duy Phường, tỉnh Sơn Đông - ứng dụng hiệu quả năng lượng tái tạo trong xây dựng 45

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

Ngày 12/4/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2012/NĐ-CP về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, trong đó quy định việc tuyển dụng, bố trí, phân công, thay đổi và thăng hạng chức danh nghề nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng; biệt phái, bổ nhiệm, miễn nhiệm; đánh giá; thôi việc, nghỉ hưu và thẩm quyền quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo Nghị định này, người dự thi tuyển viên chức phải thực hiện các bài thi: Thi kiến thức chung và thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành. Việc thi tin học văn phòng và ngoại ngữ đối với người dự thi tuyển viên chức thực hiện theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm.

Người đăng ký dự tuyển được miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam; được miễn thi môn tin học văn phòng trong trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải tham dự đủ các bài thi quy định tại Nghị định này, mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên và được xác định theo nguyên tắc: Người trúng tuyển có kết quả thi cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển

dụng thì người có tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Con thương binh; Con của người hưởng chính sách như thương binh; Người dân tộc ít người; Đội viên thanh niên xung phong; Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ; Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự; Người dự tuyển là nữ.

Trong trường hợp xét tuyển viên chức, người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau: Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn hoặc thực hành, mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên; Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm phỏng vấn hoặc điểm thực hành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm phỏng vấn hoặc điểm thực hành bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị định này.

Xét tuyển đặc cách đối với các trường hợp: Người có kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển dụng từ 03 năm trở lên, đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng; Những người tốt nghiệp đại học

loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng, trừ các trường hợp mà vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng yêu cầu trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; Những người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, các ngành nghề truyền thống.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc người đứng đầu đơn vị sử dụng viên chức chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức, bảo đảm các điều kiện cần thiết để viên chức thực hiện nhiệm vụ và các chế độ, chính sách đối với viên chức. Việc phân công nhiệm vụ cho viên chức phải bảo đảm phù hợp với chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý được bổ nhiệm và yêu cầu của vị trí việc làm.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc bổ nhiệm, giải quyết thôi giữ chức vụ hoặc miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức vụ quản lý theo phân cấp. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ, cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện hoặc phân cấp việc bổ nhiệm, giải quyết thôi giữ chức vụ quản lý hoặc miễn nhiệm đối với viên chức.

Viên chức được giải quyết thôi việc trong các

Nghị định số 36/2012/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ

Ngày 18/4/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/2012/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Theo Nghị định này, Bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả

trường hợp sau: Viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản; Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại Luật Viên chức; Đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức khi có một trong các trường hợp được quy định tại Luật Viên chức.

Viên chức chưa được giải quyết thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Chưa làm việc đủ thời gian cam kết với đơn vị sự nghiệp công lập khi được cử đi đào tạo hoặc khi được xét tuyển; Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Do yêu cầu công tác và chưa bố trí được người thay thế.

Việc quản lý đối với những người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được áp dụng các quy định tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2012.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực. Bộ trưởng là thành viên Chính phủ, là người đứng đầu và lãnh đạo một Bộ; tham gia vào hoạt động của tập thể Chính phủ và các công tác khác của Chính phủ; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, các quy định tại Nghị định này

và văn bản pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước. Người giữ chức vụ cấp phó của Bộ trưởng (gọi chung là Thứ trưởng) là người được giao phụ trách, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện một hoặc một số lĩnh vực công tác của Bộ theo sự phân công của Bộ trưởng và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Bộ trưởng vắng mặt, một Thứ trưởng được Bộ trưởng ủy nhiệm thay Bộ trưởng điều hành và giải quyết công việc của Bộ và Bộ trưởng. Số lượng Thứ trưởng ở mỗi Bộ không quá 04 người. Đối với Bộ quản lý nhà nước nhiều ngành, lĩnh vực lớn, quan trọng, phức tạp, số lượng Thứ trưởng có thể nhiều hơn 04 người do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Các Bộ có trách nhiệm trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Chính phủ và các nghị quyết, dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác theo phân công; Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó; Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác

tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; Kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành có liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; nếu phát hiện những quy định do các cơ quan đó ban hành có dấu hiệu trái với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tổ chức giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước gồm: Vụ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ; Cục; Tổng cục và tổ chức tương đương. Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc Bộ đã được cấp có thẩm quyền thành lập. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc Bộ quy định không quá 03 người.

Bộ trưởng làm việc theo chế độ thủ trưởng và Quy chế làm việc của Chính phủ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của Bộ theo quy định. Nghị định quy định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Bộ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đối với Bộ trưởng khác; đối với UBND các cấp; các cơ quan của Quốc hội, với đại biểu Quốc hội và với cử tri; các tổ chức chính trị - xã hội.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2012.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020

Ngày 11/4/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 418/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2011 – 2020.

Mục tiêu của Chiến lược là phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên,

khoa học kỹ thuật và công nghệ; đưa KH&CN thực sự trở thành động lực then chốt, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến năm 2020, KH&CN Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực ASEAN và thế giới.

Mục tiêu cụ thể mà Chiến lược đưa ra là đến năm 2020, KH&CN góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tái cấu trúc nền kinh tế, giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% GDP. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt 10 - 15%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và trên 20%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình 15 - 17%/năm. Phần đầu tư tổng đầu tư xã hội cho KH&CN đạt 1,5% GDP vào năm 2015 và trên 2% GDP vào năm 2020. Bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KH&CN không dưới 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm. Đến năm 2020, hình thành 60 tổ chức nghiên cứu cơ bản và ứng dụng đạt trình độ khu vực và thế giới, đủ năng lực giải quyết những vấn đề trọng yếu quốc gia đặt ra đối với KH&CN; 5.000 doanh nghiệp KH&CN; 60 cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

Chiến lược cũng đề ra những định hướng cụ thể về đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN; Tăng cường tiềm lực KH&CN; Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và các hướng công nghệ ưu tiên như công nghệ thông tin, công nghệ sinh

học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo máy và tự động hóa, công nghệ môi trường.

Trong lĩnh vực KH&CN xây dựng, Chiến lược đề ra các nhiệm vụ về nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn, bảo đảm tính dân tộc, hiện đại và phát triển bền vững; Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong thiết kế, thi công xây dựng nhà cao tầng và các công trình công nghiệp phù hợp với các điều kiện đặc thù về nền móng, các điều kiện thi công bất lợi; Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong sản xuất các loại vật liệu xây dựng tiên tiến (nano, gốm sứ, composit, kim loại, hợp kim đặc biệt), vật liệu thân thiện môi trường phục vụ xây dựng dân dụng, công nghiệp, đặc biệt là một số công trình dự án quốc gia như điện hạt nhân, dầu khí, cầu cảng.

Chiến lược này còn đưa ra các giải pháp để xây dựng đồng bộ chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ khoa học công nghệ và giải pháp phát triển thị trường KH&CN gắn với việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đi đôi với việc tích cực, chủ động hội nhập quốc tế về KH&CN.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 419/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

Ngày 11/4/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Mục tiêu của Đề án nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; tăng cường việc tuân thủ pháp luật và giảm thiểu, ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật của doanh nghiệp.

Theo Đề án, nguyên tắc đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp là: Bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với pháp luật trong nước và thông lệ quốc tế; Thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp bằng pháp luật; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Nhà nước; Trách nhiệm quản lý nhà nước

đối với doanh nghiệp phải được phân định rõ ràng gắn với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước, mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực chuyên ngành tương ứng; Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp cần gắn với hoạt động giám sát doanh nghiệp của các chủ thể khác, khuyến khích, phát huy vai trò kiểm tra, giám sát trong nội bộ doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát của chủ nợ, bạn hàng; của các hiệp hội; của xã hội và cộng đồng đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Đề án đề ra nhóm giải pháp chủ yếu về đổi mới mô hình giám sát doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo hướng phát huy vai trò của xã hội và các chủ thể khác nhằm hỗ trợ nhà nước trong công tác quản lý, giám sát doanh nghiệp; nhóm giải pháp đổi mới công tác xây dựng pháp luật

doanh nghiệp và nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau khi đăng ký thành lập.

Tại Quyết định này, Các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương có trách nhiệm ban hành quy chế phối hợp cụ thể giữa các đơn vị, ban ngành trong việc thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật và không chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Nâng cao năng lực và kiện toàn tổ chức của hệ thống các cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp tại các cấp, các ngành để vừa đảm bảo chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát và vừa hạn chế được các hiện tượng phân biệt đối xử, sách nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020

Ngày 12/4/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 432/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

Trong Chiến lược khẳng định, con người là trung tâm của phát triển bền vững. Phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững; đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế để phát triển bền vững đất nước; Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài

hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các Bộ, ngành và địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Chiến lược đưa ra các mục tiêu cụ thể gồm:

- Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là

các cân đối lớn, giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực.

- Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo. Phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

Các định hướng ưu tiên nhằm phát triển bền vững trong giai đoạn 2011 - 2020 gồm:

- Về kinh tế: Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; Đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; Phát triển bền vững các vùng và địa phương.

- Về xã hội: Đẩy mạnh công tác giảm nghèo theo hướng bền vững, tạo việc làm bền vững, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; Ổn định quy mô, cải thiện và nâng cao chất lượng dân số; Phát triển văn hóa hài hòa với phát triển kinh tế, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam; Phát triển bền vững các đô thị, xây dựng nông thôn mới, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo

vùng; Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước, vùng và địa phương; Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn thực phẩm, cải thiện điều kiện và vệ sinh môi trường lao động; Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

- Về tài nguyên và môi trường: Chống thoái hóa, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; Bảo vệ môi trường biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển; Bảo vệ và phát triển rừng; Giảm ô nhiễm không khí và tiếng ồn ở các đô thị lớn và khu công nghiệp; Quản lý có hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại; Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học; Giảm thiểu tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

Các nhóm giải pháp để thực hiện Chiến lược bao gồm: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế phát triển bền vững, nâng cao chất lượng quản trị quốc gia đối với phát triển bền vững đất nước; Tăng cường các nguồn lực tài chính để thực hiện phát triển bền vững; Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững; Tăng cường năng lực quản lý và thực hiện phát triển bền vững; Phát triển nguồn nhân lực cho thực hiện phát triển bền vững; Tăng cường vai trò và tác động của khoa học và công nghệ, đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong thực hiện phát triển bền vững; Mở rộng hợp tác quốc tế.

Theo Quyết định này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm xây dựng chương trình/ kế hoạch hành động của ngành; thành lập Ban chỉ đạo phát triển bền vững ngành; bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược; chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo chỉ đạo của

Chính phủ; Lồng ghép các nội dung của Chiến lược trong quá trình hoạch định chính sách xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của ngành mình.

Kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của

các Bộ, các cơ quan, các tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp Ngân sách nhà nước hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

**Quyết định số 1781/QĐ-BCT của Bộ Công thương
phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành sản xuất
thiết bị xây dựng giai đoạn 2009 - 2020,
có xét đến năm 2025**

Ngày 9/4/2012 Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 1781/QĐ-BCT Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị xây dựng giai đoạn 2009 – 2020, có xét đến năm 2025. Mục tiêu của quy hoạch là phấn đấu đến năm 2020, Việt Nam có thể tự sản xuất được một số chủng loại thiết bị xây dựng đạt trình độ tiên tiến khu vực. Từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới. Khai thác tốt các lợi thế so sánh, nâng dần giá trị gia tăng cho sản phẩm sản xuất trong nước. Tăng cường sản xuất phụ tùng máy xây dựng (nhất là phụ tùng, máy móc trong dây chuyền đồng bộ sản xuất vật liệu xây dựng) để chủ động phục vụ nhu cầu trong nước và thay thế nhập khẩu.

Việc phát triển ngành sản xuất thiết bị xây dựng phục vụ tích cực cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng của đất nước; đồng thời cũng phù hợp với Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg ngày 26/12/2002. Phát triển ngành sản xuất thiết bị xây dựng đảm bảo ổn định, bền vững, thân thiện với môi trường và phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phục vụ quốc phòng.

Mục tiêu đến năm 2020 đáp ứng khoảng 80% nhu cầu thiết bị nâng kiểu cầu, 20% nhu

cầu thiết bị thi công và 40% nhu cầu phụ tùng; đáp ứng khoảng 70% nhu cầu thiết bị và 90% nhu cầu phụ tùng đối với thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng. Giai đoạn năm 2020 – 2050 đáp ứng khoảng 90% nhu cầu thiết bị nâng kiểu cầu, 30% nhu cầu thiết bị thi công và 50% nhu cầu phụ tùng; đáp ứng khoảng 80% nhu cầu thiết bị và 80% nhu cầu phụ tùng đối với thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng.

Quy hoạch đưa ra định hướng phát triển là: Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các dự án đầu tư sản xuất thiết bị xây dựng để sản xuất các sản phẩm có chất lượng và giá thành phù hợp nhằm phục vụ tối đa nhu cầu của thị trường thiết bị xây dựng trong nước, kể cả nhu cầu của công nghiệp quốc phòng; Nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mà Việt Nam có khả năng làm chủ thiết kế, làm chủ công nghệ chế tạo để từng bước tiến tới xuất khẩu.

Các sản phẩm chủ lực được đề cập trong Quy hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị xây dựng gồm: cần trục kiểu cầu, cần cầu tháp, máy bốc xếp cảng, cầu tự hành, máy làm đất và làm đường, máy phục vụ công tác bê tông, phụ tùng máy xây dựng, thiết bị xi măng, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng, thiết bị sản xuất đá công nghiệp, thiết bị sản xuất gạch ceramic, phụ tùng thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng.

Tổng hợp vốn đầu tư đến năm 2020 dự kiến

khoảng 355 triệu USD, gồm 345 triệu USD đầu tư mới, 10 triệu USD đầu tư bổ sung. Kinh phí được lấy từ vốn vay ưu đãi, vốn hỗ trợ của nhà nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn vốn khác. Tập trung xây dựng các dự án đầu tư sản xuất thiết bị xây dựng sử dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tiêu tốn ít tài nguyên vật liệu, tạo nên sản phẩm có chất lượng và giá cả cạnh tranh. Dự án sản xuất thiết bị xây dựng sử dụng vốn nhà nước được xem xét, áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc đấu thầu trong nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Đẩy nhanh việc thực hiện các dự án sản xuất thiết bị xây dựng thuộc ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

Các dự án sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Danh mục dự án sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm, các máy móc, thiết bị xây dựng thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm ban hành theo Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg

ngày 16/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các sản phẩm cơ khí trọng điểm được ưu tiên xem xét, áp dụng các chính sách ưu đãi theo Quyết định này; Các dự án sản xuất linh kiện, phụ tùng dùng cho máy móc, thiết bị xây dựng, thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ và Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được xem xét, cho hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi ban hành theo các Quyết định này và các chính sách ưu đãi có liên quan hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.moit.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Ngày 11/4/2012 UBND tỉnh Bến Tre đã có Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Quy chế này quy định về cơ chế phối hợp giữa Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bến Tre, Cục Thi hành án Dân sự, UBND các xã, thị

trấn của các huyện (trừ thành phố Bến Tre), các cơ quan truyền thông của tỉnh và các đơn vị có liên quan trong đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Việc phối hợp quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bến Tre, Cục Thi hành án Dân sự,

UBND các xã, thị trấn của các huyện (trừ thành phố Bến Tre), các cơ quan truyền thông của tỉnh và các quy định hiện hành về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Các cơ quan, tổ chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo nguyên tắc độc lập, đúng pháp luật, không gây phiền hà, ảnh hưởng đến việc đăng ký giao dịch bảo đảm của các tổ chức, cá nhân. Trong khi thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm, tất cả các cơ quan, tổ chức liên quan phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhau để hoàn thành đúng tiến độ và đúng pháp luật các hoạt động nghiệp vụ của mình, tạo điều kiện cho hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm được thuận lợi, kịp thời và đúng đối tượng.

Các đơn vị phối hợp theo nội dung: Xây dựng Chương trình, kế hoạch công tác năm; Tiến hành rà soát các quy định của pháp luật

về giao dịch bảo đảm; Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao dịch bảo đảm; tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ làm công tác giao dịch bảo đảm; Kiểm tra định kỳ công tác đăng ký giao dịch bảo đảm; Rà soát, thống kê, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đăng ký giao dịch bảo đảm của các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; Bố trí nhân lực, kinh phí, trang bị cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm; Chỉ đạo các tổ chức hành nghề công chứng, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, pháp luật về đất đai; Tổ chức họp giao ban nhằm giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, phát sinh.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.bentre.gov.vn)

Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định quản lý quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Ngày 19/4/2012 UBND tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý quỹ đất do Nhà nước quản lý (hay còn gọi là quỹ đất công) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Quy định này áp dụng cho UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã); UBND huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện); Các sở, ban, ngành Tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng đất công.

Theo Quy định này đất công gồm: đất công trình công cộng là đất sử dụng vào mục đích xây dựng công trình theo quy định tại Luật Đất đai; căn cứ vào quỹ đất, đặc điểm và nhu cầu của địa phương, thị trấn được lập quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không quá 5% tổng diện tích đất trồng cây hàng năm, đất trồng

cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho các nhu cầu công ích của địa phương.

Đất công được sử dụng theo nguyên tắc: Có kế hoạch hoặc phương án sử dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; Đối với khu vực có đất mới hình thành, nền đất phải ổn định, không có nguy cơ bị sạt lở; Thực hiện việc đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định; Xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, tranh chấp trước khi giao đất cho các đối tượng sử dụng.

Đối với quỹ đất nông nghiệp không phải là quỹ đất công ích, đất ao hầm, đất bãi bồi ven

sông; đất cù lao trên sông, đất có mặt nước
huyền dùng, UBND cấp huyện chỉ đạo cho
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện kiện toàn
hồ sơ pháp lý khu đất để xuất tổ chức đấu giá
quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử
dụng đất hoặc cho thuê đất nhằm sử dụng hiệu
quả, tiết kiệm tài nguyên đất đai nhưng phải
tuân thủ nguyên tắc theo Quy định này.

Đối với đất mới lang bồi tiếp giáp với đất của
tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước

giao đất hoặc cho thuê đất thì UBND xã có
trách nhiệm kiểm tra xác định ranh giới, mốc
giới phần đất lang bồi, lập biên bản và báo cáo
về Phòng Tài nguyên và Môi trường. Phần diện
tích này sẽ bảo tồn không giao hoặc cho thuê
để đảm bảo luôn, lạch của hệ thống sông.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10
ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.dongthap.gov.vn)

Nghiệm thu các dự thảo tiêu chuẩn:
**“Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục lắp trên ô tô
 chở hàng”, “Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục tự
 hành”, “Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục
 và cần trục cổng”**

Ngày 17/4/2012, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu các dự thảo tiêu chuẩn: “Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục lắp trên ô tô chở hàng (mã số TC 03-07)”; “Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục tự hành (TC 04-07)”; “Cần trục - sử dụng an toàn - cần trục và cần trục cổng (TC 19-10)” do TS. Đỗ Kiên - Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng (CON-INCO) làm chủ nhiệm đề tài. TS Trần Hữu Hà - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo với Hội đồng về quá trình nghiên cứu biên soạn các dự thảo tiêu chuẩn, TS. Đỗ Kiên cho biết, cần trục tự hành, cần trục lắp trên ô tô, cần trục và cần trục cổng là những loại máy thi công đóng vai trò rất quan trọng và không thể thiếu trong ngành xây dựng cơ bản nói riêng và trong các ngành kinh tế nói chung. Do giá thành cao, kích thước lớn, điều khiển phức tạp và có yêu cầu cao về tính ổn định, nên việc khai thác, sử dụng các thiết bị đó cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về an toàn ở cấp quốc gia, cấp cơ sở và người sử dụng, trong hoạt động lựa chọn, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cũng như tháo dỡ, vận chuyển.

Mục đích chính của 3 tiêu chuẩn là đảm bảo an toàn sức khỏe, cải thiện môi trường; khai thác triệt để chức năng, công dụng cũng như nâng cao chất lượng sử dụng thiết bị cần trục; đảm bảo yêu cầu đồng bộ quốc tế và khu vực.

Nội dung dự thảo tiêu chuẩn “Cần trục – sử dụng an toàn - cần trục lắp trên ô tô chở hàng” được chuyển dịch và biên soạn dựa trên tiêu chuẩn gốc của Anh BS 7121-4:1997. Tiêu



*TS. Trần Hữu Hà - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu
phát biểu kết luận*

chuẩn này chủ yếu quy định các kỹ thuật cần thiết để sử dụng an toàn cần trục lắp trên ô tô chở hàng, trong đó bao gồm công tác quản lý vận hành, quy trình và các biện pháp phòng ngừa sự cố, công tác thử nghiệm, kiểm tra và bảo dưỡng.

Việc lập kế hoạch vận hành cần trục cần đảm bảo các hoạt động được thực hiện an toàn và tính đến tất cả các rủi ro có thể xảy ra. Việc lập kế hoạch vận hành cần trục phải do người có kiến thức chuyên môn và được giao nhiệm vụ lập kế hoạch thực hiện. Trong trường hợp hoạt động của cần trục được lập đi lập lại hoặc diễn ra hàng ngày, việc lập kế hoạch vận hành chỉ cần thực hiện lúc đầu, nhưng phải định kỳ kiểm tra để đảm bảo không có bất kỳ yếu tố nào trong kế hoạch được lập thay đổi. Trong kế hoạch vận hành cần trục được lập phải bao gồm các yếu tố: đặc điểm của tải, phương pháp nâng tải và mối liên kết giữa tải với bề mặt tựa đỡ tải; lựa chọn cần trục lắp trên ô tô chở hàng phù hợp và lựa chọn khoảng không gian trống tương xứng giữa (các) tải và cần trục khi thực hiện hoạt động

nâng; lựa chọn bộ phận mang tải, trong đó trọng lượng của bộ phận mang tải phải được cộng vào trọng lượng của tải đối với cần trục lắp trên ô tô chở hàng; vị trí tương đối giữa cần trục và tải tại các thời điểm trước, trong và sau khi thực hiện hoạt động nâng; địa điểm thực hiện hoạt động nâng, trong đó có tính đến các mối nguy hiểm cận kề, khoảng không gian trống có thể sử dụng được và phù hợp với nền đất hoặc nền móng; mọi công việc lắp đặt và tháo dỡ cần thiết đối với cần trục lắp trên ô tô chở hàng và cuối cùng là các trạng thái môi trường có thể xảy ra ở thời điểm hiện tại và trong tương lai tại địa điểm thực hiện hoạt động nâng và khả năng phải dừng hoạt động nâng khi trạng thái thời tiết xấu. Cần trục lắp trên ô tô chở hàng được coi là hiệu quả và an toàn nếu ô tô chở hàng và cần trục xếp dỡ hàng lắp trên ô tô được lựa chọn hoàn toàn phù hợp với chủng loại và kích cỡ của tải (cần được xếp dỡ và chuyên chở). Khi lựa chọn cần trục lắp trên ô tô chở hàng cần chú ý đến các yếu tố: trọng tải, kích thước, các đặc tính kỹ thuật của ô tô chở hàng, các vận hành, tốc độ, tầm với, chiều cao nâng hạ và phạm vi di chuyển của cần trục, số lượng, tần suất và các kiểu dạng hoạt động nâng, khoảng đất trống được yêu cầu để bố trí có hiệu quả các chân chống, vị trí điều khiển phù hợp để đạt hiệu quả như dự tính. Khi vận hành loại cần trục này cần đặc biệt chú ý khi di chuyển dưới các đường điện, cáp điện trên đầu, phải có biển báo để tránh xảy ra rủi ro. Công tác kiểm tra định kỳ cũng như bảo dưỡng cần trục cũng phải được thực hiện kiểm tra hàng ngày, hàng tuần để nâng cao hiệu quả cũng như đảm bảo an toàn khi sử dụng.

Về dự thảo tiêu chuẩn “Cần trục - sử dụng an toàn- cần trục tự hành”, đây là tiêu chuẩn được chuyển dịch và biên soạn dựa trên tiêu chuẩn Anh BS 7121-3: 2000, chủ yếu quy định các kỹ thuật cần thiết để sử dụng an toàn cần trục tự hành, bao gồm các hệ thống làm việc an toàn, công tác quản lý, lập kế hoạch, lựa chọn, lắp đặt, tháo dỡ, vận hành và bảo dưỡng cần trục

cũng như lựa chọn nhân viên. Loại cần trục này được chế tạo theo nhiều hình dạng khác nhau, khả năng cơ động của nó được thể hiện thông qua các bánh xe và các dải xích di chuyển trên đường bộ, nó có thể di chuyển cùng với tải nâng danh định được treo trên móc hoặc có thể bán tự hành và không cho phép di chuyển cùng với tải được treo trên móc. Tất cả các hoạt động của cần trục phải được lập kế hoạch để đảm bảo các hoạt động này được thực hiện an toàn và tính đến mọi rủi ro có thể xảy ra. Việc lập kế hoạch của cần trục phải do người được chỉ định thực hiện, trong đó kế hoạch hoạt động của cần trục phải bao gồm: đặc điểm của tải và biện pháp nâng tải; lựa chọn một cần trục phù hợp với hoạt động nâng và đảm bảo duy trì được một khoảng trống vừa đủ giữa tải và kết cấu của cần trục; lựa chọn bộ phận mang tải, bao gồm cả việc cộng trọng lượng của bộ phận mang tải và tổng trọng lượng tải nâng tác động lên cần trục. Nhiệm vụ của người được chỉ định đối với các hoạt động của cần trục tự hành có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ phức tạp của hoạt động nâng. Yêu cầu tối thiểu đối với người lái cần trục là phải biết rõ từng cần trục phải được đặt trên nền đất bằng phẳng hoặc được đặt ngang bằng trên các chân chống trước khi nâng tải, sử dụng dụng cụ thành thạo các chân chống, thường xuyên kiểm tra để đảm bảo không có sự dịch chuyển bản đế chân chống trong suốt thời gian thực hiện hoạt động nâng, nắm rõ ảnh hưởng của gió và các ảnh hưởng thời tiết khác lên cần trục và tải, biết cách xử lý các tình huống nguy hiểm...

Dự thảo tiêu chuẩn “Cần trục - sử dụng an toàn - cầu trục và cần trục cổng” được chuyển dịch và biên soạn dựa trên tiêu chuẩn gốc của Úc - AS 2550.3-2002. Tiêu chuẩn này chủ yếu quy định các kỹ thuật cần thiết để sử dụng an toàn cầu trục và cần trục cổng, nội dung tiêu chuẩn cũng đưa ra phương pháp đánh giá thẩm tra việc chọn địa điểm đặt phù hợp đối với một cần trục khi không có hồ sơ chi tiết về việc sử dụng của nó từ trước. Theo đó, trước khi lựa

chọn một cần trục cho một ứng dụng cụ thể, phải xác định được tất cả các thông tin có liên quan và các tiêu chí vận hành tối thiểu như: kết quả đánh giá chất lượng của cần trục hiện đang sử dụng, các lực lớn nhất cho phép đặt lên kết cấu tựa đỡ, nguồn cung cấp điện, kích thước công trình xây dựng, sử dụng lại một cần trục hiện có để thực hiện các nhiệm vụ giống như các nhiệm vụ mà nó được thiết kế ban đầu, tầm nhìn khu vực làm việc của cần trục tại vị trí điều khiển, phương pháp điều khiển tốc độ... Khi đặt cần trục phải tính đến sự có mặt của các mối nguy hiểm cận kề tại vị trí đặt cần trục như sự có mặt của các cần trục khác, khu vực đường vào, sự di chuyển của người trong khu vực làm việc. Phải có tài liệu hướng dẫn vận hành liên quan đến việc vận hành cần trục, nội dung của tài liệu phải quy định chi tiết các quy trình kỹ thuật cần thực hiện để khắc phục các rủi ro phát sinh từ các mối nguy hiểm, đã được xác định trong việc đánh giá rủi ro. Đối với việc kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa, phải được thực hiện với tần suất vừa đủ để đảm bảo cần trục được giữ trong trạng thái an toàn. Trước mỗi ca làm việc đều phải thanh, kiểm tra bên ngoài cần trục bằng mắt thường và kiểm tra chức năng hoạt động của nó như: bộ

điều khiển vận hành, các phanh hãm, công tắc an toàn, các khóa liên động... Căn cứ vào môi trường làm việc, tần suất, mức độ sử dụng cần trục mà quy định thời gian kiểm tra định kỳ để luôn đảm bảo an toàn trong thời gian sử dụng...

Theo đánh giá của các chuyên gia, ở Việt Nam cho đến nay chưa có Tiêu chuẩn Quốc gia nào về sử dụng an toàn cần trục lắp trên ô tô chở hàng, cần trục tự hành, cần trục và cần trục cổng, các dự thảo tiêu chuẩn do nhóm đề tài biên soạn phù hợp với nhu cầu thực tế, nhưng do toàn bộ dự thảo được chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt nên không tránh khỏi những sai sót trong cách sử dụng thuật ngữ chuyên ngành.

Phát biểu kết luận, TS Trần Hữu Hà đánh giá: Đề tài đã được chuyển dịch và biên soạn khá chặt chẽ, song vẫn còn một số ít thuật ngữ cần sửa đổi để phù hợp với văn phong Việt Nam. Đề tiêu chuẩn được hoàn thiện hơn, nhóm biên soạn cần chỉnh sửa và bổ sung thêm những nội dung mà các thành viên trong Hội đồng đã góp ý, để tiêu chuẩn sớm được ban hành.

Với kết quả thu được, các dự thảo tiêu chuẩn đã được Hội đồng nghiệm thu và xếp loại Khá./.

Bích Ngọc

Nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu chế tạo chất tạo bọt sử dụng trong sản xuất bê tông nhẹ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vật liệu không nung”

Ngày 19/4/2012, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo chất tạo bọt sử dụng trong sản xuất bê tông nhẹ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vật liệu không nung” mã số RD 29-10 do Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái – Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Đào Quốc Hùng - chủ nhiệm đề tài, vật liệu bê tông bọt với thành phần nguyên liệu là xi măng, cát, xỉ lò cao,



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

nước cùng một số phụ gia tạo bọt khí là một trong những sản phẩm vật liệu không nung được dùng để thay thế cho vật liệu nung hiện nay ở Việt Nam. Nhu cầu vật liệu nhẹ, vật liệu không nung trong nước trong những năm gần đây rất cao, phù hợp với định hướng của “Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bằng Quyết định số 567/QĐ-TTg ký ngày 28/4/2010. Theo quy hoạch chung, nhu cầu công suất vật liệu không nung của các vùng miền trên cả nước đến năm 2015 ước tính là 7,1 – 8,8 tỷ viên; đến năm 2020 là 13,9 – 18,6 tỷ viên. Bê tông bọt là một loại vật liệu nhẹ có nhiều ưu điểm về đặc tính cơ – lý như có tính tự đầm cao, khả năng cách âm, cách nhiệt cao, độ bền bằng giá tốt...do vậy là một loại vật liệu không nung rất được ưa chuộng và có tiềm năng phát triển trên thị trường xây dựng của thế giới hiện nay. Tại Việt Nam, tuy nhận được sự khuyến khích, quan tâm đầu tư của Nhà nước, song việc sản xuất bê tông bọt vẫn còn tồn tại một số hạn chế, trong đó có vấn đề chất tạo bọt còn phải nhập ngoại (từ Mỹ, Anh, Ý...). Đề tài nghiên cứu phương pháp chế tạo chất tạo bọt với những nguyên liệu sẵn có nhằm góp phần giảm giá thành cho sản xuất bê tông bọt (do không cần nhập chất tạo bọt nữa), đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động về nguồn nguyên liệu trong nước. Do vậy, đề tài là một nghiên cứu rất cần thiết, đáp ứng tình hình và nhu cầu đối với vật liệu xây dựng không nung hiện nay của nước ta.

Qua nghiên cứu lựa chọn loại nguyên liệu để chế tạo chất tạo bọt (nguyên liệu có nguồn gốc động - thực vật; những chất khác như NaOH, SLS, SLES và một số chất ổn định Walocel, PVA, CMeC), nghiên cứu xác lập quy trình chế tạo chất tạo bọt trên cơ sở các nguyên liệu đó, kết hợp tham khảo 23 bộ tài liệu trong và ngoài nước và ứng dụng thử trên dây chuyền công nghệ của một số cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm của đề tài - phụ gia tạo bọt FA

- P12 được tạo ra bằng phương pháp thủy phân Albumin có nguồn gốc tự nhiên kết hợp với chất hoạt động bề mặt SLES, sử dụng chất ổn định Walocel với tỷ lệ các thành phần được xác định cụ thể – có chất lượng tương đương với phụ gia tạo bọt Eabassoc (nhập từ Anh), kể cả khi thực hiện trên 2 cấp phối tỷ trọng khác nhau (D800 và D900), và hoàn toàn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo ASTM C 869-99. Sản phẩm gạch bloc bê tông bọt sử dụng phụ gia tạo bọt FA -P12 đạt yêu cầu kỹ thuật theo TCVN 316:2004 Bloc bê tông bọt – Yêu cầu kỹ thuật; độ co ngót của sản phẩm và mẫu đối chứng không thay đổi, điều này chứng tỏ độ bền bọt của phụ gia trong hỗn hợp bê tông là tốt và tương thích với hệ bê tông. Như vậy, đề tài đã nghiên cứu và đưa ra được quy trình công nghệ chế tạo phụ gia tạo bọt tương đối đơn giản, gọn nhẹ và có tính khả thi cao, đồng thời khẳng định khả năng tự thiết kế chế tạo và chuyển giao công nghệ một dây chuyền sản xuất quy mô công nghiệp.

Các báo cáo phản biện và các thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính thực tiễn, hiệu quả kinh tế của đề tài, cũng như nỗ lực của nhóm tác giả để thực hiện đề tài. Các thành viên Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về bố cục, câu chữ để đề tài mạch lạc, dễ nắm bắt hơn; và đề xuất nhóm tác giả tiếp tục nghiên cứu hướng sử dụng nguyên liệu sẵn có trong nước (dầu dừa) nhằm đa dạng hoá nguồn nguyên liệu, đa dạng hóa sản phẩm.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu – ThS. Trần Đình Thái bày tỏ sự nhất trí với các ý kiến và đánh giá của các uỷ viên phản biện và thành viên Hội đồng, và lưu ý nhóm tác giả nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa để đề tài sớm được đưa vào ứng dụng trong sản xuất, đáp ứng nhu cầu phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng không nung tại Việt Nam.

Đề tài được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Ba Đồn mở rộng là đô thị loại IV

Ngày 12/4/2012 tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Ba Đồn mở rộng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình là đô thị loại IV.

Dự Hội nghị có ông Nguyễn Hữu Hoài - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, lãnh đạo các Sở Xây dựng, Nội vụ của tỉnh, Huyện uỷ và UBND huyện Quảng Trạch, Thị uỷ và UBND thị trấn Ba Đồn, đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành ở trung ương, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng.

Theo Đề án đề nghị công nhận thị trấn Ba Đồn mở rộng là đô thị loại IV do đại diện UBND huyện Quảng Trạch trình bày tại Hội nghị thị trấn Ba Đồn mở rộng được hình thành từ thị trấn Ba Đồn và 5 xã Quảng Long, Quảng Phong, Quảng Thọ, Quảng Thuận, Quảng Phúc và thôn Xuân Kiều (xã Quảng Xuân), tổng diện tích tự nhiên 4.709,73 ha; dân số 50.528 người.

Thị trấn Ba Đồn là thị trấn huyện lỵ của huyện Quảng Trạch, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện Quảng Trạch trong tổng thể các đô thị của tỉnh và cả nước, là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh kết nối với các đô thị vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, nằm trong quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình và được xác định là vùng kinh tế tổng hợp, động lực phát triển của hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.

Nằm tiếp giáp với Khu kinh tế Hòn La (với quy mô trên 10.000 ha), Thị trấn Ba Đồn có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển Khu kinh tế, là đô thị hỗ trợ dịch vụ, du lịch, hậu cần phát triển quan trọng cho Khu kinh tế. Thị trấn đảm nhận vai trò trung chuyển của hành lang kinh tế Đông - Tây và hành lang kinh tế Bắc Nam xuyên suốt dọc quốc lộ 1A, là điểm kết nối các trung



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu kết luận cuộc họp của Hội đồng

tâm du lịch của tỉnh (Phong Nha, Kẽ Bàng, Vũng Chùa - Đảo Yến).

Thị trấn Ba Đồn cũng là một trong những đầu mối giao thông quan trọng về đường sông, đường bộ, đường sắt... có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các vùng trong huyện và khu vực, thúc đẩy tiến trình đô thị hoá các vùng phụ cận thuộc phía Bắc của tỉnh Quảng Bình.

Năm 2008 Bộ Xây dựng đã có văn bản số 612/BXD-KTQH về việc thoả thuận Thị trấn Ba Đồn là đô thị loại IV. Ngày 28/12/2005 UBND tỉnh Quảng Bình đã có quyết định số 3935/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch chung mở rộng thị trấn Ba Đồn. Tuy nhiên, cùng với việc thành lập Khu kinh tế Hòn La và việc Quy hoạch phát triển Khu kinh tế Hòn La được phê duyệt thì khoảng 350 ha đất của thôn Xuân Kiều xã Quảng Xuân thuộc Thị trấn Ba Đồn được chuyển sang cho Khu kinh tế Hòn La.

Theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ, để công nhận loại cho các đô thị có sự điều chỉnh địa giới hành chính thì cần có sự đánh giá và được công nhận là đô thị đạt các tiêu chuẩn cơ bản về phân loại đô thị.

Vì vậy, việc xem xét công nhận Thị trấn Ba Đồn mở rộng là đô thị loại IV trên cơ sở Đề án đề

ngiht công nhận Thị trấn Ba Đồn mở rộng là đô thị loại IV là cần thiết và là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các bước tiếp theo khi tiến hành thành lập thị xã Ba Đồn trực thuộc tỉnh Quảng Bình.

Trong những năm vừa qua, được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Quảng Bình, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Quảng Trạch đã tập trung các nguồn lực đầu tư cho việc xây dựng và phát triển Thị trấn theo định hướng và quy hoạch đã được phê duyệt và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, nâng cao chất lượng sống của người dân đô thị. Tính theo hiện trạng năm 2010, tăng trưởng kinh tế đạt 12,32%, tổng thu ngân sách là 30,518 tỷ đồng, cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư, thu nhập bình quân đầu người bằng 0,6 lần so với mức trung bình cả nước, tỷ lệ hộ nghèo: 3,86%; tỷ lệ tăng dân số: 1,63%, tỷ lệ đô thị hoá đạt 48,27%, mật độ dân số đô thị: 6.720 người/km²; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 83,4%.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của Thị trấn được tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân. Diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực nội thị là 12,89 m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố đạt 62,57%, đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở: 2,33 m²/người, đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị: 4,62 m²/người. Thị trấn là đầu mối giao thông cấp tiểu vùng. Một số chỉ tiêu đã đạt được về cây xanh đô thị và thu gom xử lý chất thải: Đất cây xanh đô thị đạt 11,86 m²/người; đất cây xanh công cộng nội thị: 5,36 m²/người; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom: 100%; tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý: 65%;

Tại Hội nghị, đại diện Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng, các chuyên gia phản biện, các thành viên Hội đồng thẩm định đã phát biểu đóng góp ý kiến cho Đề án. Cùng với sự bày tỏ sự nhất trí với sự đánh giá phân loại nêu trong Đề án, các đại biểu đã đóng góp ý kiến nêu lên



Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình Nguyễn Hữu Hoài phát biểu tại Hội nghị

sự cần thiết của việc lập và thực hiện các chương trình, dự án nhằm nhanh chóng khắc phục các tiêu chí mới chỉ đạt ngưỡng tối thiểu hoặc chưa đạt.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cho biết, các thành viên Hội đồng đánh giá cao các thành tựu của Thị trấn Ba Đồn. Đề án Đề nghị công nhận Thị trấn Ba Đồn là đô thị loại IV đã đánh giá đúng tiềm năng, vị thế cũng như thực tế phát triển của Thị trấn, điều đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập trung đầu tư và quản lý Thị trấn tốt hơn.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đề nghị tỉnh Quảng Bình và huyện Quảng Trạch trong thời gian tới cần có biện pháp nhanh chóng khắc phục các tiêu chí mà đến nay Thị trấn mới đạt ngưỡng tối thiểu hoặc còn thấp so với quy định, quan tâm rà soát, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch Thị trấn trong đó cần đặt Thị trấn trong mối liên hệ vùng; đầu tư cho thiết kế đô thị, xây dựng những công trình kiến trúc là điểm nhấn đô thị; tập trung các nguồn lực cho việc phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội đô thị bằng các nguồn vốn ngân sách và cả các nguồn vốn thu hút ngoài ngân sách để cải thiện các tiêu chí chưa đạt và cho sự phát triển sau này của Thị trấn trở thành thị xã; quan tâm hơn đến công tác quản lý đô thị; tập trung đầu tư cho phát triển kinh tế, xã hội để nâng cao chất lượng sống của người dân đô thị.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cho biết Hội

đồng nhất trí đề nghị Bộ Xây dựng công nhận Thị trấn Ba Đồn là đô thị loại IV.

Được công nhận là đô thị loại IV, Thị trấn Ba Đồn mở rộng sẽ có thêm động lực cho việc xây dựng và phát triển Thị trấn nhanh, bền vững hơn, xứng tầm với vị thế là đô thị trung tâm

huyện Quảng Trạch, hướng tới vai trò là trung tâm vùng phía Bắc tỉnh Quảng Bình, thị xã thuộc tỉnh trong tương lai.

Huỳnh Phước

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III

Ngày 20/4/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III, với sự tham dự của đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị chủ trì Hội nghị.

Thay mặt lãnh đạo thị xã Sầm Sơn, Chủ tịch UBND thị xã Vũ Đình Quế đã báo cáo với Hội đồng thẩm định về Đề án đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn là đô thị loại III. Theo báo cáo, thị xã du lịch nghỉ mát Sầm Sơn được thành lập từ năm 1981 bao gồm thị trấn Sầm Sơn và 3 xã thuộc huyện Quảng Xương. Sau 30 năm thành lập, nhất là trong 25 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã Sầm Sơn đã luôn luôn phát huy truyền thống cách mạng, nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và giành được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng thị xã Sầm Sơn ngày càng giàu đẹp hơn, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, khai thác tiềm năng thế mạnh tạo nên vóc dáng và diện mạo mới cho Đô thị Du lịch biển Sầm Sơn. Thị xã Sầm Sơn ngày nay đã và đang phát triển rất mạnh mẽ với kết cấu hạ tầng du lịch, giao thông, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật ngày càng được hoàn thiện, tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn ở mức cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 83,09%, tỷ lệ đô thị hóa cao... Căn



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu kết luận Hội nghị

cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2009/NĐ-CP, thị xã Sầm Sơn đã hội đủ các điều kiện và đáp ứng cơ bản các tiêu chí của đô thị loại III. Việc thị xã Sầm Sơn được công nhận là đô thị loại III sẽ là nguồn động viên, cổ vũ Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã Sầm Sơn đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thị xã Sầm Sơn ngày càng phát triển trở thành một thành phố du lịch biển trong tương lai.

Hội đồng thẩm định cũng đã nghe báo cáo thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn là đô thị loại III của Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng, Báo cáo phản biện của Vụ Chính quyền địa phương Bộ Nội vụ và các ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng. Về cơ bản Hội đồng nhất trí với những đánh giá của Đề án và góp ý kiến với tỉnh Thanh Hóa, thị xã Sầm

Sơ một số vấn đề cần lưu ý để phát triển đô thị Sầm Sơn thực sự xứng tầm với những tiềm năng thế mạnh và đô thị loại III trong các mặt quy hoạch đô thị và quản lý đô thị, chú trọng công tác bảo vệ môi trường, phát triển các tuyến và các loại hình du lịch để nâng cao sức cạnh tranh của đô thị Sầm Sơn.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Ngọc Hồi cho biết, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hóa cũng như thị xã Sầm Sơn đã thể hiện quyết tâm cao và tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho Sầm Sơn. Tuy nhiên do những khó khăn về nguồn lực nên công tác đầu tư cho quy hoạch, xây dựng đô thị Sầm Sơn cũng còn những hạn chế và bất cập. Năm 2011, quy hoạch chung xây dựng thị xã Sầm Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt sẽ là cơ sở để Sầm Sơn tiến hành xây dựng và chỉnh trang đô thị, xây dựng quy chế quản lý đô thị. Thay mặt lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa và thị xã Sầm Sơn, Phó Chủ tịch tỉnh Nguyễn Ngọc Hồi cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ của các Bộ, ngành đối với tỉnh Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, bày tỏ trân trọng tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng để trong công tác chỉ đạo, điều hành sẽ nỗ lực khắc phục những điểm còn yếu kém, khiếm khuyết để xây dựng đô thị Sầm Sơn xứng đáng với danh hiệu đô thị loại III và phát triển thành thành phố trong tương lai.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị nhất trí với các ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, và chúc mừng tỉnh Thanh Hóa và thị xã Sầm Sơn đã được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn là đô thị loại III.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị nhấn mạnh, thị xã Sầm Sơn có vị trí thuận lợi bên bờ vịnh Bắc Bộ, với bãi biển dài và đẹp, địa hình bằng phẳng tạo cho Sầm Sơn những tiềm năng về phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là phát huy thế mạnh du lịch biển. Trong 30 năm qua, thị xã Sầm Sơn đã phát triển không ngừng và đạt



Ông Nguyễn Ngọc Hồi - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phát biểu tại Hội nghị

được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế, phát triển đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực và đã đạt được các tiêu chí của đô thị loại III. Tuy nhiên, qua đánh giá của tỉnh Thanh Hóa và thị xã Sầm Sơn trong Đề án và ý kiến của các thành viên Hội đồng cũng cho thấy, Sầm Sơn cần nỗ lực hơn nữa để nâng cao chất lượng đô thị. Quy hoạch đô thị Sầm Sơn đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt năm 2011 đã mở rộng thêm địa giới hành chính của thị xã Sầm Sơn thêm 6 xã, đó là một thách thức đối với đô thị Sầm Sơn trong việc tập trung nguồn lực đầu tư và công tác quản lý đô thị. Do đó, tỉnh Thanh Hóa và thị xã Sầm Sơn cần quan tâm việc xây dựng lộ trình cụ thể về phát triển đô thị Sầm Sơn, trong đó chú ý đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, coi trọng công tác đào tạo cán bộ quản lý đô thị, quan tâm công tác quy hoạch theo hướng khai thác đặc trưng của đô thị du lịch biển, đầu tư hơn nữa cho công tác thiết kế cảnh quan đô thị, công trình công cộng, dịch vụ để hấp dẫn khách du lịch và nâng cao đời sống cho nhân dân. Ngoài ra, tỉnh Thanh Hóa là một tỉnh lớn nhưng tỷ lệ đô thị hóa mới đạt 13,5% (cả nước 31%), do đó, tỉnh cần tập trung rà soát các chương trình phát triển đô thị của tỉnh, có lộ trình triển khai, huy động các nguồn lực cho phát triển đô thị để tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội./.

Minh Tuấn

Hội thảo “Ứng dụng cừ bản bê tông dự ứng lực trong xây dựng hạ tầng”

Ngày 20/4/2012 tại Hà Nội, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã phối hợp với Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam và Công ty VINA-PSMC Việt Nam tổ chức Hội thảo “Ứng dụng cừ bản bê tông dự ứng lực trong xây dựng hạ tầng”. Ông Trần Ngọc Chính - Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có bà Phan Mỹ Linh - Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị - Bộ Xây dựng, ông Nguyễn Đăng Cấn - Chủ tịch Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam, ông Hirofumi Ota - Trưởng đại diện Văn phòng Tập đoàn P.S. Mitsubishi Nhật Bản tại Việt Nam, ông Lê Quảng Châu - Tổng Giám đốc Công ty VINA-PSMC, đại diện Bộ Khoa học và công nghệ, Tổng hội Xây dựng Việt Nam, các Hiệp hội và hội chuyên ngành xây dựng, bất động sản, các trường đại học, viện nghiên cứu, các chuyên gia đến từ Nhật Bản.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Trần Ngọc Chính cho biết, trong số các vật liệu kỹ thuật xây dựng, cừ bản bê tông dự ứng lực (BTDƯL) được ứng dụng hiệu quả cho các công trình bờ kè, đường giao thông, đê, đập, các kết cấu cảng, mương dẫn nước, vách tường hầm nhà cao tầng,... và đã được phát triển để thay thế cừ ván thép. Hội thảo này được tổ chức nhằm tạo điều kiện cho các nhà quản lý, các nhà khoa học, các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia đến từ Tập đoàn P.S. Mitsubishi trao đổi thông tin, kinh nghiệm, làm rõ hơn, phong phú hơn thực tiễn của việc ứng dụng của cừ bản BTDƯL trong xây dựng hạ tầng ở Nhật Bản và Việt Nam.

Báo cáo tại Hội thảo, đại diện Tập đoàn T.S. Mitsubishi cho biết, Cừ bản BTDƯL được phát minh bởi Tập đoàn P.S. Mitsubishi Nhật Bản theo tiêu chuẩn JIS vào năm 1965 và được ứng dụng lần đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1999 trên công trình xây dựng kênh dẫn nước của



Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam phát biểu tại Hội thảo

Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Kênh dẫn nước ứng dụng cừ bản BTDƯL do Cty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh vật tư (Cty C&T) thuộc TCty Xây dựng số 1 thi công, với công nghệ do Tập đoàn T.S. Mitsubishi chuyển giao và tư vấn chỉ đạo thi công.

Cừ bản BTDƯL là một sản phẩm được đúc sẵn trong nhà máy hiện đại từ các vật liệu cao cấp; bê tông đạt mác trên 600; cốt thép có cường độ cao.

Cừ bản BTDƯL được thiết kế với tiết diện đặc biệt đem lại cho sản phẩm những tính chất ưu việt như: Chất lượng ổn định do được sản xuất theo quy trình công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn JIS A 5354 của Nhật Bản; khả năng chống rỉ và ăn mòn cao, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật cho các kết cấu công trình trên biển và trong môi trường ăn mòn hoá chất khắc nghiệt; khả năng chống nén và kháng uốn cao; có khả năng ngăn nước và chống cát chảy nhờ sử dụng doăng chế tạo đặc biệt; do không cần Taluy nên có thể tiết kiệm đất sử dụng trên mặt bờ kè; có giá trị thẩm mỹ cao, rất phù hợp cho việc chỉnh trang đô thị, cảnh quan ven sông, ven biển. Cừ bản BTDƯL còn là một giải pháp thi công tiên tiến cho phép khi thi công không cần xử lý móng trước, không cần cốp pha vách tường, ngoài ra việc thi công được thực hiện

trong mọi điều kiện trên cạn, dưới nước, trong mọi thời tiết. Với khả năng kháng nén và chống uốn rất cao, cừ bản BTĐƯL được sử dụng làm móng công trình trên biển và đáp ứng được các yêu cầu về sự bền vững trước tác dụng của sóng lớn, to và ăn mòn.

Sau khi kết thúc dự án Nhiệt điện Phú Mỹ, nhận thấy đây là sản phẩm có nhiều ưu điểm trong kết cấu công trình, Cty C&T đã xây dựng xưởng sản xuất thí điểm cừ bản BTĐƯL dưới sự tư vấn của chuyên gia Nhật Bản. Sản phẩm đã bước đầu được ứng dụng trên một số công trình bờ kè chống lũ, ngăn mặn,... tại một số tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Sau khi cừ bản BTĐƯL đã được chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn thiết kế biết đến, đưa vào ứng dụng tại các công trình bờ kè, nhiều nhất là tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, một số công trình tại miền Trung, riêng khu vực phía Bắc đã có tại Quảng Ninh và Thanh Hoá, năm 2005 Cty C&T đã liên doanh với Tập đoàn T.S. Mitsubishi thành lập nhà máy chuyên sản xuất cừ bản BTĐƯL tại KCN Long Định tỉnh Long An. Đây là nhà máy đầu tiên sản xuất nội địa sản phẩm cừ bản BTĐƯL cung cấp cho việc xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và hạ tầng ở Việt Nam.

Với những tính năng vượt trội, cừ bản BTĐƯL đã được ứng dụng tại nhiều công trình quan trọng ở Việt Nam như: Đại lộ Đông - Tây và kênh Nhiều Lọc - Thị Nghè tại thành phố Hồ Chí Minh, Nhà máy nhiệt điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch (Đồng Nai), công trình kè bờ sông thành phố Rạch Giá (Kiên Giang), công trình bảo vệ sân bay Phú Yên, Cầu tàu số 1 khu du lịch Hòn Tre (Nha Trang), công trình kè biển Gành Hào (Hà Tiên), Cảng VOVA (Phú Quốc), kè bờ chắn tại chân núi Bài thơ (Hạ Long - Quảng Ninh),...

Theo đại diện của Tập đoàn P.S. Mitsubishi, cừ bản BTĐƯL cũng được sử dụng nhiều trong thi công các công trình hạ tầng ở Nhật Bản. Những ưu điểm nổi trội của cừ bản BTĐƯL là



Các đại biểu tham dự Hội thảo



Sản phẩm cừ bản BTĐƯL

tiết kiệm mặt bằng, cường độ chịu lực cao nhưng trọng lượng nhẹ, độ cứng cao và chuyển vị đầu cọc nhỏ, phạm vi ứng dụng rộng và rất linh hoạt trong thiết kế; được sản xuất trong nhà máy nên rất tin cậy do có thể kiểm soát được chất lượng một cách chặt chẽ; thực tế thi công cho thấy do các thao tác thi công đơn giản nên giảm được nhiều thời gian thi công,... Vì vậy, ở Nhật Bản cừ bản BTĐƯL đã được ứng dụng trong xây dựng bờ kè khắc phục sự cố sông ở tỉnh Tokushima, bờ kè chống sụt lở bờ sông Suribaya tỉnh Kagawa; trong xây dựng kênh dẫn nước tại nhà máy xử lý nước thải ở thủ đô Giacácta (Indônêxia) hoặc kênh thoát nước Hamada Nhật Bản, xây dựng kết cấu cảng ở tỉnh Okayama và kè đê chống lũ,...

Phát biểu kết luận Hội thảo, ông Trần Ngọc Chính đánh giá cao công nghệ cừ bản BTĐƯL

của P.S Mitsubishi, và cho biết, qua thực tế ứng dụng trong xây dựng công trình tại cửa sông, dọc các sông lớn ở Việt Nam, cừ bản BTĐƯL là một loại sản phẩm có tính ưu việt và tính kinh tế. Tuy nhiên, việc xây dựng công trình hạ tầng là một vấn đề lớn, nếu không có các tiêu chuẩn, quy phạm quy định việc thiết kế, sản xuất cũng như thi công thì sẽ rất khó cho các nhà tư vấn trong tính toán kỹ thuật và kinh tế, vì vậy sau Hội thảo này, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam sẽ phối hợp với các cơ quan, đơn vị

liên quan kiến nghị Bộ Xây dựng sớm soạn thảo và ban hành Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam về cừ bản BTĐƯL, biên soạn và phát hành Sách hướng dẫn thiết kế, thi công sau đó sẽ ban hành các định mức, đơn giá liên quan để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng rộng rãi, hiệu quả loại sản phẩm này trên các công trình hạ tầng ở Việt Nam.

Huỳnh Phước

Thí nghiệm kiểm tra hàm lượng bọt khí trong bê tông

Khi nhận được kết quả thí nghiệm hiện trường của một công trình vừa thi công bê tông xong, nhà thầu được thông báo là hỗn hợp bê tông vừa đổ có hàm lượng bọt khí thấp. Khi đó thì các xe bê tông đã hết bê tông và đội thi công đã hoàn thành công việc của mình. Chủ đầu tư muốn nhà thầu dỡ bỏ số bê tông vừa đổ và thay bằng hỗn hợp bê tông khác. Chúng tôi đã gửi một mẫu vật liệu tới một nhà nghiên cứu thạch học và thí nghiệm phân tích bọt khí đã cho thấy, hàm lượng bọt khí trong mẫu bê tông hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật của công trình. Như vậy, vấn đề đặt ra là tại sao các kết quả thí nghiệm hiện trường lại không phù hợp?.

Điều đó chứng tỏ rằng, kết quả thí nghiệm đôi khi cũng không phản ánh đúng các tính chất của bê tông. Việc tiến hành thí nghiệm đối với bê tông tươi trong quá trình đổ không phải luôn luôn cho ta biết cái ta cần về các tính chất của bê tông - nhất là độ bền vững của bê tông trong các điều kiện đóng băng/tan băng.

Có hai thiết bị đo hàm lượng bọt khí trong bê tông, trong đó áp kế là loại thông dụng nhất vì nó cho kết quả tương đối nhanh, còn thiết bị đo thể tích cho kết quả chậm hơn.

Thiết bị áp kế có một buồng phía trên chứa không khí và buồng dưới chứa hỗn hợp bê tông. Để đo hàm lượng bọt khí trong bê tông, buồng phía trên được tăng áp và khi đó, lượng không khí được đẩy xuống khoang dưới. Đồng hồ đo

áp suất trên đầu áp kế biểu thị sự thay đổi áp suất khi không khí được đẩy vào bê tông. Kết quả đo là số bóng khí trong bê tông bị nén trong quá trình tăng áp suất. Thành phần duy nhất chịu nén trong bê tông là không khí. Các vật liệu xi măng, nước và cốt liệu không phản ứng với sự gia tăng nhỏ của áp suất. Vì thế, sự thay đổi áp suất có tương quan với hàm lượng bọt khí trong bê tông.

Bọt khí được hình thành trong bê tông do sử dụng phụ gia cuốn khí. Bọt khí càng nhỏ thì càng vững chắc. Bọt khí càng nhỏ thì bê tông càng có khả năng chịu được sự gia tăng của áp suất từ áp kế. Nếu bê tông có hàm lượng đáng kể các bọt khí rất nhỏ thì áp kế sẽ cho kết quả sai do các bọt khí rất nhỏ và vững chắc không tạo ra sự thay đổi về áp suất.

Thí nghiệm thạch học đối với bê tông đã đóng rắn sử dụng kính hiển vi để đo, đếm kích thước của các bọt khí. Nhờ sự phóng đại thích hợp, thậm chí có thể đếm được các bọt khí rất nhỏ. Thí nghiệm này còn dùng để đo kích thước bọt khí trung bình được gọi là bề mặt riêng. Bề mặt riêng là diện tích bề mặt của bọt khí trên thể tích. Diện tích bề mặt càng lớn thì kích thước trung bình của bọt khí càng nhỏ.

Để điều chỉnh một số vấn đề liên quan đến áp kế, kỹ thuật viên thí nghiệm có thể tiến hành thí nghiệm thể tích, mặc dù thí nghiệm này đòi hỏi tốn nhiều thời gian và công sức. Một

phương pháp đơn giản hơn để kiểm tra hàm lượng bọt khí là đo trọng lượng đơn vị. Hàm lượng bọt khí có ảnh hưởng lớn nhất đến trọng lượng đơn vị và rất khó lừa được bàn cân. Vì thế nếu tổng hàm lượng khí không phải đặc tính quan trọng nhất đối với độ bền của bê tông thì tại sao chúng ta lại phải mất công đo nó bằng áp kế?. Đơn giản vì đó vẫn là cách tốt nhất chúng ta có để đo được hàm lượng bọt khí trong bê tông tại hiện trường.

Do vậy, không nên quá vội vàng dỡ bỏ bê

tông nếu chỉ dựa trên các thí nghiệm hiện trường. Có những kỹ thuật phân tích chính xác hơn cung cấp một bức tranh toàn diện hơn về độ bền của bê tông. Đặc biệt là với lượng lớn bê tông, việc kiểm tra thêm để biết kết quả thí nghiệm thực địa có chính xác không là điều rất cần thiết.

Braun Intertec

Nguồn: www.concreteconstruction.net

ND: Thu Huyền

Thảo luận về việc áp dụng các công nghệ thi công mới trong xây dựng ở Trung Quốc

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã tạo ra những thay đổi lớn trong ngành Xây dựng Trung Quốc. Hiện nay, thị trường xây dựng Trung Quốc đang diễn ra sự cạnh tranh rất quyết liệt. Để mở rộng thị trường và giành được một chỗ đứng vững chắc trên thị trường, tìm kiếm cơ hội phát triển hơn nữa, các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc nhất thiết phải dựa vào đổi mới khoa học công nghệ, đảm bảo các thiết bị và công nghệ xây dựng theo kịp với xu hướng quốc tế. Chỉ có cách không ngừng gia tăng hàm lượng khoa học công nghệ trong xây dựng mới có thể nâng cao chất lượng công trình, hạ thấp giá thành, tạo ra hiệu quả và lợi ích kinh tế cao.

I. Hiện trạng phát triển công nghệ mới trong xây dựng ở Trung Quốc

Trình độ thi công xây dựng của Trung Quốc không ngừng được nâng cao để đáp ứng và phù hợp với sự đổi mới công nghệ. Đặc biệt trong những năm gần đây, nhiều công nghệ và kỹ thuật thi công mới đã liên tục xuất hiện, tạo ra tác động lớn đối với công nghệ thi công truyền thống trong nước. Các công nghệ mới xuất hiện, không những có thể giải quyết những nút thắt liên quan tới kỹ thuật xây dựng truyền thống trước đây, mà còn có thể mở rộng và cho ra đời những công nghệ thi công và thiết bị thi

công mới, giúp nâng cao hiệu quả thi công. Sử dụng các công nghệ thi công mới, một mặt vừa giúp giảm giá thành, rút ngắn thời gian thực hiện dự án, mặt khác còn làm tăng thêm độ an toàn trong thi công, tạo ra một sân chơi lớn để phát triển các dự án xây dựng.

Trước mắt, Bộ Xây dựng Trung Quốc tập trung thúc đẩy “10 công nghệ mới của ngành xây dựng”, trong đó bao gồm: công nghệ làm tường cừ cho các hố móng sâu, công nghệ bê tông hiệu suất cao, công nghệ bê tông dự ứng lực, công nghệ nối cốt thép có đường kính lớn, ứng dụng công nghệ giàn giáo và ván khuôn loại mới, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng và thi công tường loại mới trong xây dựng, ứng dụng công nghệ ống nhựa và chống thấm xây dựng loại mới, công nghệ kết cấu thép, công nghệ lắp đặt toàn bộ thiết bị và cấu kiện cỡ lớn, công nghệ quản lý và ứng dụng máy tính trong doanh nghiệp.

II. Một số công nghệ thi công mới trong xây dựng

1. Công nghệ thi công chống thấm

Trên thực tế, chống thấm là việc phòng tránh rò rỉ tại những điểm tiếp xúc với nước và phòng tránh sự xuất hiện của các vết nứt. Vì vậy, phải tuân thủ theo nguyên tắc thiết kế chính xác, xử lý toàn diện, xây dựng và phòng

chống theo nhiều cách, như yêu cầu các điểm nối giáp nhau phải kín, lựa chọn công nghệ thi công và vật liệu phải phù hợp.

Điển hình là đối với việc chống thấm trên mái, một loại công nghệ thi công tương đối mới là thi công sơn chống thấm xi măng polyme. Với công nghệ này, trước hết cần phải xử lý tốt các điểm nứt gãy, điểm tiếp giáp. Khi thi công mái, người ta sẽ sử dụng loại sơn này phủ bên ngoài, khi lớp sơn đầu tiên đã khô, phủ thêm một lớp thứ 2, độ dày của lớp sơn phía trên cùng phải trên 1mm, quét đi quét lại nhiều lần lên lớp sơn chống thấm đầu tiên, như vậy đảm bảo không xảy ra hiện tượng rò rỉ hay tích tụ nước.

2. Công nghệ thi công bê tông khối lớn

Trong quá trình thi công bê tông khối lớn, phản ứng thủy hóa của xi măng trong bê tông làm tỏa ra một nhiệt lượng lớn, nên khi các ứng suất nhiệt được tạo ra vượt quá sức căng của bê tông sẽ tạo ra hiện tượng nứt trên bề mặt của bê tông. Làm thế nào để khống chế được lượng nhiệt thủy hóa của bê tông, có thể làm mát bê tông một cách nhanh chóng là vấn đề đang được nhiều người quan tâm.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và tính toán ứng suất nhiệt, người ta quyết định đổ toàn bộ bê tông cùng một lúc hay đổ theo phân đoạn. Sau đó căn cứ vào số lượng lao động, thiết bị đổ bê tông, máy đầm, phương tiện vận chuyển đã tính toán trong phương án thi công mà thực hiện. Phương pháp thường được sử dụng để đổ bê tông là phương pháp bơm bê tông hoặc dùng cần trục tháp để đổ bê tông. Tiến hành đổ bê tông phải bố trí phân đoạn hợp lý, độ cao tầng dần phải đồng đều, tốt nhất là nên đổ bê tông khi nhiệt độ ngoài trời thấp, như vậy sẽ hạn chế được hiện tượng nhiệt thủy hóa như đã nêu.

Sau khi đã thực hiện phân đoạn đổ bê tông khối lớn, tiến hành các phương pháp đầm rung, tạo lực ép lên bề mặt tùy theo từng giai đoạn đầu hay cuối thời gian đợi bê tông đủ tuổi, làm như vậy để tránh hiện tượng bề mặt bị ngưng tụ nước, dùng gõ đập đi đập lại để làm bê tông thêm chặt hơn và loại bỏ các vết nứt xuất hiện

trên bề mặt. Khi thi công trong điều kiện thời tiết mùa đông, sau khi thực hiện khâu đầm nén bê tông, nhanh chóng lấy màng nhựa mỏng phủ lên, tiếp đến là phủ thêm một lớp vật liệu giữ nhiệt. Nếu thi công trong điều kiện thời tiết không phải mùa đông, vẫn có thể sử dụng màng nhựa mỏng hoặc vật liệu giữ nhiệt lên trên, hay trong khoảng thời gian cuối đợi bê tông đủ ngày tuổi, có thể nước tưới lên bề mặt để bảo dưỡng, đồng thời định kỳ xác định bề mặt bê tông và nhiệt độ bên trong.

3. Công nghệ nối cốt thép

Phương pháp nối cốt thép bằng ren là tạo ren hai đầu của cốt thép cần nối giống nhau, khi nối sử dụng kim vặn một đầu cốt thép cho đến khi ống nối ngậm hết hai đầu ren ở hai bên.

Phương pháp này có những ưu điểm vượt trội so với nối chồng (nối buộc) hay nối hàn, thi công nhanh, dễ đổ bê tông do giảm được số lượng cốt thép trong một mặt cắt, đảm bảo an toàn và thân thiện với môi trường, tiết kiệm được khối lượng lớn thép ngắn và đầu mẫu.

4. Thi công mái

Đối với việc thi công mái cần chú trọng việc chống thấm cho mái, thông thường người ta sử dụng màng chống thấm truyền thống, trong đó gồm có 3 loại là: màng chống thấm bằng bitum, màng chống thấm bitum polymer và màng chống thấm polymer cao phân tử.

Cùng với sự tiến bộ và phát triển của xã hội, đã có nhiều vật liệu, thiết bị và công nghệ mới xuất hiện, đồng thời, kết hợp với phương pháp quản lý khoa học hiện đại đã giúp cho ngành Xây dựng không ngừng gặt hái thành quả.

Trong tình hình mới, các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc cần luôn luôn điều chỉnh và bổ sung công nghệ mới, nắm bắt và thích ứng với xu hướng phát triển khoa học công nghệ xây dựng của thế giới, để doanh nghiệp xây dựng nói riêng và ngành Xây dựng của Trung Quốc nói chung phát triển bền vững./.

Nguồn: <http://project.newscn.com>

ND: Bích Ngọc

Sử dụng công nghệ bê tông đầm lăn trong xây dựng cầu đường ở Liên bang Nga

Một trong những xu hướng phát triển cơ bản về vật liệu trong xây dựng cầu đường hiện nay là áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng, với việc đưa vào sử dụng các chất thải công nghiệp có khả năng cải thiện tính chất của các loại vật liệu xây dựng hiện có trên thị trường, và thực sự nâng cao chất lượng cũng như tuổi thọ của mặt đường giao thông. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết có thể thay thế các vật liệu truyền thống bằng các loại vật liệu mới.

Hiện nay, trên các quốc lộ trong phạm vi Liên bang Nga đã bắt đầu xuất hiện tình trạng: kết cấu lớp mặt đường đã không còn đáp ứng được yêu cầu về tuổi thọ và khả năng chịu lực. Các đường quốc lộ - theo đặc tính khai thác, vận chuyển - thường được trừ tính cho tải trọng 6-10 tấn, do đó không còn phù hợp với mật độ lưu thông ngày càng tăng cũng như tải trọng phương tiện ngày càng lớn. Tất cả những vấn đề nêu trên là nguyên nhân làm cho mặt đường bị xuống cấp và biến dạng nhanh chóng, đòi hỏi việc tu sửa mặt đường phải được tiến hành thường xuyên hơn, khoảng cách thời gian giữa các lần tu sửa ngắn lại, dẫn đến làm tăng chi phí duy tu và sửa chữa đường.

Một trong những phương pháp để nâng cao chất lượng mặt đường là hoàn thiện quy trình công nghệ xây dựng đường giao thông, với việc sử dụng bê tông xi măng kết hợp các phế thải công nghiệp (tro bay). Phương pháp này giúp cho việc phát triển ngành sản xuất nguyên liệu phụ gia khoáng, tận dụng phế thải công nghiệp, giảm lượng sử dụng xi măng, nâng cao chất lượng bê tông...

Sử dụng công nghệ bê tông đầm lăn trong xây dựng cầu đường là một giải pháp tích cực góp phần nâng cao chất lượng mặt đường và tận dụng được phế thải tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện và phế thải xây dựng cầu đường (hạt

bê tông nhựa)... mang lại giá trị kinh tế và mục tiêu bảo vệ môi trường, đã được kiểm chứng bằng kinh nghiệm nhiều năm của rất nhiều quốc gia trên thế giới.

Mối quan tâm ngày càng tăng đối với việc sử dụng vật liệu thứ cấp tại các nước đang phát triển trên thế giới được quy định bằng một loạt các đạo luật chặt chẽ liên quan tới vấn đề sinh thái trong việc xử lý cũng như nhu cầu tiêu thụ chất thải công nghiệp.

Cơ cấu chi phí trong tổng chi phí cho bê tông đầm lăn như sau:

- khai thác và chế biến nguyên liệu: 50%;
- chi phí năng lượng: 30%;
- chi phí lao động, vốn: 20%.

Công nghệ bê tông đầm lăn cho phép sử dụng nguyên liệu thứ cấp của một số ngành công nghiệp. Việc sản xuất không tốn kém này giải quyết được 3 vấn đề lớn:

- tiết kiệm nguồn năng lượng nhờ thay thế một phần nguyên liệu thiên nhiên bằng các chất thải công nghiệp;
- giảm giá thành sản phẩm;
- đảm bảo an toàn sinh thái.

Những thành tích đạt được của các chuyên gia nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng cầu đường áp dụng bê tông đầm lăn cho thấy: loại bê tông này được dùng để xây dựng các trục đường chính và chịu tải trọng cơ học lớn. Ví dụ: xây dựng các đường dành cho phương tiện vận tải hạng nặng, với tải trọng lên tới 120 tấn.

Tính thiếu ổn định trong thành phần tro bay của các nhà máy nhiệt điện lại là yếu tố được sử dụng và xử lý có hiệu quả trong xây dựng cầu đường.

Theo tính toán của các nhà nghiên cứu, nếu làm mặt đường bằng bê tông đầm lăn sử dụng 50% lượng tro bay làm chất kết dính thì 850 nghìn tấn tro xỉ được đưa ra các bãi thải mỗi

năm có thể khai thác tận dụng để xây dựng 2.830 km đường có bề rộng 8m.

Bê tông đầm lăn được nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng làm mặt đường bởi các lý do sau:

- khả năng giảm độ dày và tiết kiệm xi măng và bê tông nếu so sánh với việc đổ bê tông xi măng liền khối;

- đơn giản hoá các công nghệ đổ bê tông truyền thống vẫn được áp dụng trong xây dựng các lớp áo đường dành cho các tuyến đường quốc lộ có mật độ lưu thông cao và chịu tải trọng lớn;

- thu được các vật liệu xây dựng trên cơ sở các chất thải công nghiệp, đồng thời phát triển các biện pháp gia cố đất.

Các hỗn hợp bê tông đầm lăn dùng trong xây dựng lớp mặt đường nếu so sánh với hỗn hợp bê tông xi măng truyền thống thì có thành phần xi măng ít hơn (giảm lượng xi măng từ 50 -115 kg/m³). Bê tông 28 ngày tuổi đạt cường độ chịu nén 25 -35 Mpa. Không chỉ giảm các chi phí vận hành do độ bền và tuổi thọ cao của lớp mặt đường, mà ngay cả bề mặt lớp phủ bê tông phản chiếu ánh sáng nhiều hơn tới 44% so với bề mặt bê tông nhựa; đó cũng chính là những lý do thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi bê tông đầm lăn vào việc xây đường. Hơn nữa, sử dụng bê tông đầm lăn sẽ nâng cao tính an toàn cho phương tiện lưu thông trên đường.

Tại Bắc Mỹ, tro bay đã được chú ý tới ngay từ những năm 50 của thế kỷ XX. Năm 1974, tro xỉ đã bắt đầu được tận dụng một phần cho việc xây dựng. Chỉ riêng tại bang Ohio (Mỹ), gần 5 nghìn km đường giao thông với lớp mặt bê tông tro bay đã được xây dựng. Loại nguyên liệu này được ứng dụng ngày càng rộng rãi hơn do tính kinh tế trong xây dựng cũng như trong việc khai thác các con đường; chi phí vật liệu xây đường ở mức tối thiểu; thời hạn sử dụng dài (30 - 40 năm). Trong suốt thời hạn sử dụng lớp mặt đường bê tông xi măng (30 năm), trên lớp phủ bê tông nhựa yêu cầu sửa 3 lần với chu kỳ 8

năm – theo tính toán của các nhà xây dựng cầu đường Áo – do đó, giá thành lớp phủ bê tông xi măng chỉ bằng một nửa giá thành lớp phủ bê tông nhựa. Hiệu quả xây dựng lớp phủ bê tông xi măng, nếu tính cả chi phí cấu tạo và sửa chữa, được đánh giá tới 75% (tại Anh).

Việc xây dựng mặt đường bằng bê tông đầm lăn phát triển rộng rãi hơn cả tại Thụy Điển và Phần Lan. Năm 1984, Thụy Điển đã xây dựng 10 nghìn m² đường bằng bê tông đầm lăn, đến năm 1986 là 100 nghìn m². Hiện nay, chiều dài các tuyến đường có lớp mặt bằng bê tông đầm lăn tại các nước thuộc bán đảo Scandinavi so với năm 1986 đã tăng lên rất nhiều lần. Độ chịu mài mòn cũng như độ bền băng giá cao là những yêu cầu chủ yếu đối với bê tông đầm lăn trong lĩnh vực xây dựng cầu đường.

Tại Nga, bê tông đầm lăn đang còn trong giai đoạn nghiên cứu và thử nghiệm. Trong quá trình nghiên cứu khả năng ứng dụng hạt bê tông nhựa đường và tro bay trong thành phần hỗn hợp bê tông, các nhà khoa học Nga đã nhận thấy: sự tiêu hao các chất độn khoáng để chế tạo bê tông đầm lăn có xu hướng giảm rõ rệt, kèm theo đó là giá thành vật liệu làm ra cũng giảm đáng kể.

Phân tích công tác thi công xây dựng và sửa chữa cầu đường tại vùng Yakut và nước cộng hòa tự trị Buriat (LB Nga) cho thấy: hiện nay, bê tông với phụ gia từ tro xỉ chưa được sử dụng. Công nghệ bê tông đầm lăn với thành phần hạt bê tông nhựa đường và tro bay đề xuất trên đây có tính cách tân cả về mặt khoa học và thực tiễn.

Trong thành phần bê tông đầm lăn, các nhà khoa học đã sử dụng tro bay từ nhà máy nhiệt điện số 6 (thị trấn Bratsk) và các hạt bê tông nhựa - vật liệu nhân tạo thu được bằng cách phá hủy và xử lý các lớp bê tông nhựa của mặt đường (trên cơ sở các chất kết dính hữu cơ).

Hiện tại, công nghệ cán lớp phủ bê tông nhựa cũ (phương pháp tái sinh nguội) tương đối phổ biến và được bổ sung chất kết dính tổng hợp, thường là bitum và xi măng. Đánh giá các

tính chất về độ bền, hỗn hợp thu được không kém bê tông nhựa, thậm chí trong một số trường hợp còn tỏ ra vượt trội.

Việc thu các hạt bê tông nhựa từ vật liệu bị cán được thực hiện trong các máy nghiền sàng tự hành, máy nghiền di động... sao cho các hạt được nghiền có kích cỡ đúng theo yêu cầu. Việc nghiền sàng được khuyến cáo nên thực hiện trong điều kiện nhiệt độ không khí giảm.

Các đặc tính của hỗn hợp bê tông và bê tông có chất thải công nghiệp trong thành phần đã được nghiên cứu bằng các phương pháp tổng hợp được quy định trong các Tiêu chuẩn GOST.

Trong quá trình thực nghiệm đưa thêm tro bay và hạt bê tông nhựa vào hỗn hợp bê tông, các nhà nghiên cứu đã thu được một loại bê tông đầm lặn mới sử dụng trong xây dựng cầu đường. Tất cả các mẫu thử nghiệm 28 ngày tuổi trong điều kiện đông cứng tiêu chuẩn đều đạt yêu cầu. So với bê tông thông thường, việc thi công bê tông đầm lặn chất lượng cao đòi hỏi văn hóa thi công cao trong mọi giai đoạn từ khi chuẩn bị hỗn hợp bê tông cho tới khi xây xấp.

Như vậy, các nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài về việc áp dụng các vật liệu (tro bay) trong bê tông đầm lặn, cũng như các kết quả tích cực mà các nhà nghiên cứu của Nga đạt được sẽ được ứng dụng một phần khi sản xuất bê tông đầm lặn làm đường từ xi măng portland và các chất độn thiên nhiên từ các phế thải công nghiệp mà không cần qua xử lý; và

điều này tạo khả năng gia tăng khối lượng xử lý chất thải của ngành công nghiệp năng lượng và ngành cầu đường, cải thiện tính an toàn sinh thái vùng Siberi và Viễn Đông (Nga).

Khi đưa 1 km đường có chiều rộng 8m vào khai thác sử dụng, hiệu quả kinh tế khi sử dụng 1440 m³ bê tông đầm lặn nhựa đường tro xỉ làm đường là hơn 400 nghìn Rúp.

Theo các kết quả của các thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, khi áp dụng xi măng portland M400 và tro bay, hạt bê tông nhựa với tính chất là chất độn, các nhà nghiên cứu đã thu được cấp bê tông B25 có độ bền bằng giá F100.

Tro bay và hạt bê tông nhựa trong bê tông đầm lặn giúp giảm việc sử dụng xi măng portland tới 20%, giảm chất độn lớn và nhỏ tới 49%.

Như vậy, đã có thể kết luận về tính kinh tế cao và hiệu quả sử dụng của bê tông đầm lặn nhựa đường tro xỉ làm đường tại Nga, đặc biệt là vùng Siberi và vùng Viễn Đông. Các nghiên cứu bổ sung cho quá trình sản xuất và công nghệ xây xấp lớp phủ đường từ bê tông đầm lặn đã nhận được sự quan tâm của Chính phủ, cũng như thu hút đầu tư trong và ngoài nước cho việc sản xuất bê tông đầm lặn tận dụng phế thải tro xỉ và hạt nhựa đường.

B. Balabanov & B. Nikolaienko

Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng Nga

tháng 1/2012

ND: Lê Minh

Hệ thống tận dụng nhiệt khí thải FLSmidth

Do chi phí năng lượng ngày càng cao, các tập đoàn công nghiệp trên thế giới đều tìm kiếm các giải pháp giảm bớt tiêu hao năng lượng sử dụng. Tuy nhiên, giảm nhu cầu tiêu thụ năng lượng không phải là biện pháp duy nhất để giải quyết vấn đề. Hiện tại, Công ty FLSmidth đang giới thiệu các hệ thống tổ hợp tận dụng nhiệt khí thải (hệ thống WHR) có thể lắp đặt trong các nhà máy xi măng xây mới hoặc đang hoạt

động, và các cơ sở khai khoáng. Mặc dù đây là phát minh mới của FLSmidth, nhưng việc áp dụng công nghệ WHR có thể đáp ứng một phần đáng kể nhu cầu năng lượng của các nhà máy, xí nghiệp mà không cần tốn chi phí bổ sung cho nhiên liệu, giảm lượng phát thải cacbon và giảm được việc tiêu hao nước.

Sử dụng hệ thống WHR cho phép tận dụng nhiệt khí thải, và năng lượng sử dụng được tận

thu. Hệ thống WHR có thể bảo đảm gần 1/3 nhu cầu năng lượng của một nhà máy xi măng công suất 5 nghìn tấn/ngày. Tính theo giá điện bình quân của hệ thống cung cấp điện là 0,12USD/kwh và giá điện năng thu được nhờ thiết bị đồng phát bằng 0,01 USD/kwh thì nhà máy có thể tiết kiệm được một khoản tiền đáng kể xấp xỉ 6 triệu USD mỗi năm.

Giảm phát thải CO₂

Tùy thuộc vào lượng khí thải của các thiết bị phát cấp điện năng cho hệ thống năng lượng, và lượng khí được sản sinh ra trong hệ thống WHR, lượng cắt giảm khí thải hàng năm của một nhà máy xi măng công suất 5 nghìn tấn ngày có thể đạt 60 nghìn tấn CO₂. Chính phủ của nhiều quốc gia trên thế giới đã thực thi nhiều đạo luật, áp dụng các chính sách về thuế cũng như các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích các nhà sản xuất áp dụng các biện pháp giảm phát thải các bon vào khí quyển. Đó chính là lý do hệ thống WHR được triển khai rộng khắp trên toàn thế giới.

Giảm lượng nước tiêu hao

Tại các nước đang có tốc độ công nghiệp hóa cao như Trung Quốc và Ấn Độ, nguồn nước tự nhiên ngày càng bị ô nhiễm. Nước sạch ngày càng khan hiếm, giá nước ngày càng cao. Tại những khu vực khô hạn, mức độ tiêu thụ nước trở thành một trong những yếu tố cơ bản trong thiết kế các nhà máy mới, và là nguyên nhân buộc các nhà thầu trong thiết kế phải thiết lập những giếng khoan rất sâu. Việc lắp đặt những nồi hơi xử lý quanh tháp nung sơ tại nhà máy xi măng có công suất 5 nghìn tấn /ngày có thể giúp tiết kiệm gần 100 triệu lít nước mỗi năm. Điều này giúp giảm bớt tải lượng ô nhiễm môi trường và giảm chi phí sản xuất.

Thời gian hoàn vốn của thiết bị tận dụng nhiệt thừa cũng nhận được sự quan tâm lớn. Việc tiết kiệm nhờ cắt giảm được chi phí sản xuất, và giảm phát thải khí vào bầu khí quyển có thể đảm bảo sự hoàn lại vốn đầu tư sau một thời gian, tùy vào giá thành điện năng cũng như quy mô sản xuất. FLSmidth liên kết với các nhà

cung cấp thiết bị tận dụng nhiệt nhằm giới thiệu các thiết bị đồng bộ hoàn chỉnh, có xét tới nhu cầu cụ thể của từng đơn vị sản xuất.

Sử dụng hơi nước thu được

Phần lớn các thiết bị tận dụng nhiệt thừa hiện nay đều hoạt động theo chu trình Rekin. Công nghệ này đã được thử nghiệm và trước hết, hoàn toàn không độc hại. Công nghệ này được áp dụng để phát gần 80% năng lượng điện sản xuất trên toàn thế giới. Trong sản xuất xi măng và khai khoáng, các khí thải được sử dụng để thu lại hơi nước trong các nồi hơi đặc biệt, và biến thành điện năng nhờ turbin hơi nước và các máy phát.

Nồi hơi được làm nóng bằng khí thải của buồng làm nguội clinker được đặt thẳng đứng. Bên trong nồi hơi, các ống dẫn được đặt nằm ngang. Một hệ thống thông gió riêng được lắp đặt cho nồi hơi nhằm đảm bảo sự hoạt động của toàn bộ thiết bị tận dụng nhiệt thải cũng như quy trình công nghệ sản xuất xi măng được kiểm soát ở mức cao nhất.

Máy phát dạng ống. Thông thường trong thiết bị, người ta hay sử dụng turbin ngưng tụ hoạt động ở nhiều mức để cung cấp hơi nước được liên kết qua bộ truyền động với máy phát đảo chiều.

Thiết bị ngưng tụ làm mát bằng nước hoặc không khí hoạt động theo chu trình Rekin đặc biệt rất thích hợp với các nhà máy xi măng, nơi nhiệt độ khí thải thường cao hơn 300°C, độ ẩm trong nguyên liệu thấp hơn 8%.

Với FLSmidth, các xí nghiệp, nhà máy sản xuất xi măng đã có thể biến nhiệt khí thải thành năng lượng điện, giảm bớt các chi phí hiện hành, đồng thời góp phần đáng kể vào việc giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.

R.Sidkhu

Nguồn: Tạp chí Xi măng Nga (tháng 9-10/2010)

ND: Lê Minh

Bộ Xây dựng quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XI

Ngày 19/4/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt để quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Các đại biểu tham dự Hội nghị bao gồm các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng; lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam, lãnh đạo cấp ủy và chính quyền các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị Việt Nam, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã nêu khái quát phạm vi, mục tiêu và những nội dung chính của Nghị quyết Trung ương 4, cũng như sự cần thiết phải quán triệt Nghị quyết này trong toàn Đảng. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, Trung ương Đảng đã chỉ rõ những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm chậm được khắc phục trong công tác xây dựng Đảng. Để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện 8 nhiệm vụ trong công tác xây dựng Đảng mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đề ra, coi đó vừa là nhiệm vụ cơ bản, vừa lâu dài và phải thực hiện thường xuyên, có hiệu quả, đồng thời tập trung cao độ để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt 3 vấn đề cấp bách sau: kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng quán triệt nội dung Nghị quyết TƯ 4 tới toàn thể cán bộ chủ chốt của Bộ Xây dựng

dân đối với Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong 3 vấn đề trên, vấn đề thứ nhất là trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng yêu cầu, việc quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đối với các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng cần theo phương châm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khách quan, không né tránh. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng cần phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đảng cùng cấp tổ chức thực hiện tốt chương trình, kế hoạch của cấp ủy đảng cấp trên, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, thống nhất về ý chí và hành động trong thực hiện Nghị quyết và nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng trực tiếp chỉ đạo tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết tại



Các đại biểu dự Hội nghị

từng cơ quan, đơn vị. Việc tổ chức học tập, nghiên cứu Nghị quyết phải đảm bảo tính nghiêm túc và tính hiệu quả. Trong quá trình

thực hiện Nghị quyết, các cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo chủ chốt, nhất là người đứng đầu phải thực sự gương mẫu trong công tác chỉ đạo, điều hành, công tác tự phê bình và phê bình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

Tại Hội nghị này, các đại biểu tham dự cũng đã được Ban cán sự Đảng Bộ Xây dựng, Đảng ủy Cơ quan Bộ Xây dựng phổ biến kế hoạch 08-KH/TW và Chỉ thị số 15-CT-TW của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XI.

Minh Tuấn

Nghiệm thu giai đoạn hoàn thành xây dựng chuẩn bị ngăn sông đọt 1 Thủy điện Lai Châu

Ngày 17/4/2012, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch Hội đồng Nghiệm thu nhà nước (HĐNTNN) công trình thủy điện Lai Châu đã chủ trì buổi họp nghiệm thu giai đoạn hoàn thành xây dựng chuẩn bị ngăn sông đọt 1 Thủy điện Lai Châu.

Tham dự buổi họp có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị, Thứ trưởng Bộ Công thương Hoàng Quốc Vượng, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lê Đình Tiến; GS. TSKH. Nguyễn Văn Liên - Phó Chủ tịch HĐNTNN các công trình xây dựng và các Ủy viên Hội đồng nghiệm thu công trình thủy điện Lai Châu.

Để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá chất lượng và tổ chức nghiệm thu các hạng mục công trình, giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, Hội đồng đã thành lập Tổ chuyên gia giúp Hội đồng nghiệm thu kiểm tra, đánh giá chất lượng từng hạng mục công trình trong quá trình thi công, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của chủ đầu tư và nhà thầu, đồng thời Hội đồng cũng đã giao cho cơ quan thường trực và Tổ



Toàn cảnh buổi họp nghiệm thu

chuyên gia tổ chức kiểm tra hiện trường và làm việc với chủ đầu tư, nhà thầu về các vấn đề kỹ thuật có liên quan từ ngày 12 - 13/4/2012.

HĐNTNN đã nghe Trưởng ban Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La - Lai Châu báo cáo tổng hợp về chất lượng công trình và công tác chuẩn bị ngăn sông đọt 1, đại diện Tư vấn thiết kế PECCI báo cáo giám sát thiết kế về công tác ngăn sông đọt 1, đại diện Ban điều hành Tổng thầu báo cáo công tác thi công xây dựng công trình, Tổ trưởng Tổ chuyên gia của Hội đồng báo cáo về chất lượng công trình.

HĐNTNN đã tiến hành nghiệm thu đối với

các hạng mục công trình: Đào hố móng vai phải, thi công bê tông kênh và cống dẫn dòng, khoan phun chống thấm và gia cố nền kênh, cống dẫn dòng, lắp đặt thiết bị và thử khô van cống dẫn dòng, giải phóng lòng hồ dưới cao trình 226,0 mét, công tác chuẩn bị ngăn sông (tháo dỡ quây giai đoạn 1, đắp băng kết đê quây thượng lưu, hạ lưu, chuẩn bị vật liệu, xe máy, giao thông, ...).

Căn cứ các quyết định phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, phê duyệt sơ đồ tối thiểu ngăn sông đợt 1 và các văn bản pháp lý khác liên quan đến thủy điện Lai Châu, Báo cáo của chủ đầu tư về việc nghiệm thu các hạng mục phục vụ ngăn sông đợt 1; Báo cáo công tác tư vấn thiết kế phục vụ ngăn sông đợt 1 của Cty CP Tư vấn xây dựng điện 1 và Báo cáo về tiến độ, chất lượng các hạng mục ngăn sông đợt 1 của Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu, Tập đoàn sông Đà - Tổng thầu thi công xây lắp công trình; Báo cáo của Tổ chuyên gia, kết quả kiểm tra trực tiếp hiện trường của Đoàn công tác của HĐNTNN và các hồ sơ hoàn thành giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình liên quan phục vụ ngăn sông đợt 1, HĐNTNN đánh giá về cơ bản đã hoàn thành giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình phục vụ ngăn sông đợt 1 theo sơ đồ tối thiểu được phê duyệt tại Quyết định 124/QĐ-EVN ngày 17/2/2012 của Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN; phần việc chưa hoàn thành tính đến thời điểm nghiệm thu gồm công tác xử lý khối sạt mái dốc vai phải thượng lưu kênh dẫn,

tồn tại này trước mắt không ảnh hưởng đến công tác ngăn sông đợt 1. Hội đồng nghiệm thu cũng đã đánh giá về chất lượng xây dựng các hạng mục công trình hoàn thành giai đoạn phục vụ ngăn sông đợt 1, các công tác nghiệm thu và hồ sơ hàn công các hạng mục công trình.

HĐNTNN yêu cầu Chủ đầu tư tập trung chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thành các công việc dở dang đảm bảo yêu cầu; đồng thời lưu ý công tác bảo đảm an toàn lao động, đặc biệt là việc thi công bên dưới các khối sạt trượt đã nêu; rà soát, hoàn chỉnh lại hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, các điều kiện kỹ thuật thi công đảm bảo yêu cầu quản lý chất lượng xây dựng công trình; bổ sung hoàn thiện hồ sơ chất lượng công trình theo đúng quy định pháp luật.

Phát biểu kết luận, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng - Chủ tịch HĐNTNN cho biết các thành viên Hội đồng đều đồng tình nghiệm thu các hạng mục công trình hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng phục vụ ngăn sông đợt 1 và công nhận kết quả nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu cấp chủ đầu tư và cấp cơ sở, công nhận các ý kiến của Tổ chuyên gia.

Bộ trưởng đề nghị Tổ chuyên gia tiếp tục cử chuyên gia làm việc tại công trình trong những ngày tới trước khi ngăn sông và sẽ có ý kiến cuối cùng về an toàn của công trình trước khi tiến hành ngăn sông.

Huỳnh Phước

Những kinh nghiệm và gợi ý về nhất thể hóa đô thị - nông thôn của các nước phát triển

Lâu nay, trong quá trình đẩy nhanh phát triển công nghiệp hóa, đô thị hóa, các nước phát triển hết sức coi trọng đẩy mạnh nhất thể hóa đô thị - nông thôn. Theo tiến trình lịch sử và kinh nghiệm xây dựng nhất thể hóa đô thị - nông thôn của các nước trên thế giới, các nước

phát triển cũng đều đã từng xuất hiện hàng loạt những mâu thuẫn như mức thu nhập của nông dân càng ngày càng thấp so với người thành thị, dân số nông thôn di cư đáng kể tới các thành phố, sự khác biệt quá lớn giữa đô thị và nông thôn, bảo đảm xã hội ở nông thôn khá lạc

hậu...Cho nên, các nước phát triển không ngừng tiến hành cải cách, thúc đẩy sự dung hòa đô thị - nông thôn, đẩy nhanh tiến trình nhất thể hóa đô thị - nông thôn để tạo một cảnh tượng mới tại các vùng nông thôn. Những kinh nghiệm đã đạt được tại các nước phát triển rất đáng để tham khảo học tập.

Trước Đại chiến Thế giới thứ nhất, kể từ khi cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra, sự phát triển kinh tế của các nước phương Tây đã trải qua sự đối lập lâu dài giữa đô thị và nông thôn, gây ra sự bất cân bằng ngày càng gia tăng giữa đô thị và nông thôn, giữa các khu công nghiệp cũ và mới, khiến cho sự phát triển của nền kinh tế trở nên chậm chạp, các nhân tố bất ổn định trong xã hội gia tăng. Dưới bối cảnh lịch sử này, một số nước phát triển đã dựa vào sự nỗ lực chung của Chính phủ, các doanh nghiệp và các cơ quan tư nhân, thông qua một loạt các biện pháp như chỉnh đốn tổng hợp đất nước, quy hoạch phát triển thành phố và khu vực, xây dựng hoàn thiện các quy định pháp luật ..., thu hẹp sự khác biệt giữa các vùng, thúc đẩy nhất thể hóa đô thị nông thôn.

I. Mô hình nhất thể hóa đô thị - nông thôn của Nhật Bản

Sau chiến tranh, công nghiệp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ, dân số tập trung chủ yếu tại một vài thành phố lớn, các vấn đề về mật độ đông đúc và thừa thớt, vấn đề về sự bất cân bằng đô thị - nông thôn ngày càng nghiêm trọng. Sự phát triển nhất thể hóa đô thị - nông thôn của Nhật Bản chủ yếu được thực hiện thông qua hai biện pháp lớn là quy hoạch khai thác tổng hợp đất nước và hoàn thiện các quy định pháp luật.

1. Đưa nhất thể hóa đô thị - nông thôn vào trong quy hoạch khai thác tổng hợp đất nước

Để giải quyết vấn đề bất cân bằng giữa đô thị và nông thôn, trong “Quy hoạch tổng hợp đất đai lần thứ hai”, Chính phủ Nhật Bản đã nêu ra: cần duy trì bảo vệ lâu dài tự nhiên, phân tán có kế hoạch dân số đô thị, đẩy nhanh khai phá các khu vực lạc hậu, đặc biệt chú trọng phát

triển kinh tế nông thôn. Năm 1977, trong “Kế hoạch khai thác tổng hợp toàn quốc lần thứ ba”, Nhật Bản đưa ra chiến lược mới ưu tiên phúc lợi, chú trọng đi sâu phát triển kinh tế nông thôn, nỗ lực xây dựng các đô thị nhỏ, từng bước nâng cao mức sống của các thành phố thị trấn vừa và nhỏ, để thu hẹp sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn, thúc đẩy sự dung hợp giữa đô thị và nông thôn. Năm 1987, “Kế hoạch khai thác tổng hợp toàn quốc lần thứ tư” của Nhật Bản đề ra việc xây dựng nhất thể hóa cuộc sống tại các khu vực, với mục tiêu phối hợp hữu cơ giữa chức năng đô thị, sự yên tĩnh của nông thôn và sự giàu có; khuyến khích đẩy mạnh cơ sở hạ tầng giao thông, thông tin, truyền thông, triển khai giao lưu đô thị và nông thôn, cải thiện môi trường sống và sản xuất, xây dựng cơ chế bổ sung cho nhau giữa đô thị và nông thôn, dung hợp không gian đô thị - nông thôn và nâng cao lên một trình độ mới.

2. Hoàn thiện các quy định pháp luật đảm bảo phát triển hài hòa đô thị - nông thôn

Để thúc đẩy tốt hơn sự kết hợp giữa đô thị và nông thôn, thay đổi triệt để diện mạo lạc hậu của khu vực nông thôn, Nhật Bản đã lần lượt cho ra đời một loạt các quy định pháp luật về tận dụng đất đai, hỗ trợ phát triển khu vực miền núi, đảm bảo việc làm cho lực lượng lao động nông thôn ... ví dụ như “Luật Tận dụng đất đai”, “Luật Chấn hưng khu vực miền núi”, “Luật Xúc tiến công nghiệp vào khu vực nông thôn”, “Luật Xây dựng trang trại đối với người thành thị”, “Luật Xây dựng khu vực tự nhiên”... Sự ra đời của những quy định pháp luật này đã hóa giải có hiệu quả các vấn đề như dân số nông thôn thừa thớt, công nghiệp sa sút, cơ sở hạ tầng lạc hậu ... Về phương diện bảo đảm an sinh xã hội, Nhật Bản cũng đã đưa ra rất nhiều quy định pháp luật, bao gồm “Luật Bảo vệ cuộc sống”, “Luật Bảo hiểm thất nghiệp”, “Luật Ổn định nghề nghiệp”, “Luật Bảo hiểm dưỡng lão quốc gia”... Những năm 60 của thế kỷ XX, Nhật Bản đã thực hiện mục tiêu toàn dân hưởng bảo hiểm y tế, toàn dân đều có

sự bảo đảm về dưỡng lão, đồng thời hoàn thiện hơn nữa hệ thống phúc lợi và cứu tế xã hội. Năm 1982, Nhật Bản ban hành “Luật Bảo vệ sức khỏe người cao tuổi”. Năm 1991, Nhật Bản thực hiện chế độ toàn dân đảm nhận chi phí y tế cho người cao tuổi. Toàn bộ tiền phúc lợi xã hội và tiền cứu tế xã hội của Nhật Bản do Chính phủ trực tiếp đảm nhận, hình thức biểu hiện cụ thể là Trung ương hỗ trợ tài chính. Những biện pháp bảo đảm này đã thu hẹp sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn, thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn.

II. Phương thức phát triển tự do của Mỹ

Nước Mỹ có nguồn tài nguyên phong phú, có thể chế kinh tế thị trường khá hoàn thiện; thực lực kinh tế đô thị mạnh, trình độ chuyên nghiệp hóa sản xuất nông nghiệp cao, kênh giao lưu đô thị nông thôn thông suốt, dung hợp đô thị nông thôn có cơ sở kinh tế vững chắc. Một trong những đặc điểm trong quá trình nhất thể hóa đô thị - nông thôn của Mỹ chính là thực hiện trước đô thị hóa, sau đó từ đô thị hóa quá độ lên ngoại ô hóa. Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, cùng với sự phát triển hiện đại hóa và sự khích lệ của nước Mỹ đối với các chính sách ngoại ô hóa, tiến trình ngoại ô hóa thành phố được đẩy nhanh, từ ngoại ô hóa chức năng cư trú tại đô thị phát triển lên ngoại ô hóa chức năng công nghiệp và chức năng thương mại tại thành phố, cuối cùng tạo ra các “thành phố giáp ranh”. Đặc điểm chủ yếu của nó là: mật độ xây dựng nội bộ khá thấp, kết cấu công nghiệp với ngành dịch vụ làm chủ đạo, dân số đa dạng hóa và cách ly hóa, hệ thống giao thông hoàn thiện, môi trường sống tốt. Nó kết hợp những ưu điểm của đô thị và nông thôn, kết nối kinh tế đô thị và nông thôn, nâng cao chất lượng sống của người dân, là một loại trạng thái nhất thể hóa đô thị và nông thôn. Cơ chế cơ bản của nó là: Thứ nhất, thông qua thành lập Hiệp hội Quy hoạch khu vực, phụ trách việc quy hoạch của khu đô thị lớn trong khu hành chính vượt trội, bảo đảm

sự thống nhất nhịp nhàng giữa phát triển kinh tế và tận dụng đất đai. Thứ hai, các chính sách của Chính phủ dẫn dắt. Phát triển xây dựng quốc lộ quy mô lớn, hoàn thiện nhất thể hóa cơ sở hạ tầng giao thông, tạo sự thuận lợi cho các doanh nghiệp và cư dân; vùng ngoại ô thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, thu hút số lượng lớn các doanh nghiệp. Thứ ba, nỗ lực đẩy mạnh hiện đại hóa nông nghiệp, tạo ra lượng lớn cơ hội việc làm, thu hút một số lượng lớn dân số nông thôn. Các khu đô thị lớn của Mỹ như Chicago, Philadelphia, Washington, Los Angeles ...đều có một quá trình tương tự. Tóm lại, các khu vực đô thị lớn của Mỹ, thông qua tác dụng của cơ chế thị trường và sự phát triển tự do của đô thị - nông thôn đã hoàn thành sự dung hợp đô thị và nông thôn, đạt đến trạng thái nhất thể hóa đô thị nông thôn.

III. Mô hình “thành phố mới” của Tây Âu

Tây Âu là nơi bắt nguồn cuộc Cách mạng Công nghiệp, vấn đề đô thị - nông thôn xuất hiện đầu tiên tại đây. Để giải quyết những mâu thuẫn và xung đột trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đô thị và nông thôn, các nước Tây Âu như Anh, Pháp... bắt đầu tìm kiếm những chiến lược nhất thể hóa phát triển hài hòa đô thị và nông thôn. Sự thành công trong nhất thể hóa đô thị - nông thôn tại các đô thị lớn như London và Paris ... đã trở thành hình mẫu của thế giới.

1. Nhất thể hóa đô thị - nông thôn của London

Sau khi kết thúc chiến tranh Thế giới thứ hai, việc xây dựng lại khu vực London đối mặt với những vấn đề sau đây:

- Chiến tranh đã dẫn đến sự phát triển thiếu trật tự, sự ngừng trệ trong xây dựng nhà ở, sự gia tăng lên về dân số và kết cấu gia đình có xu hướng thu nhỏ lại, nhu cầu nhà ở lớn.

- Dân số thành thị đông đúc, tỷ lệ thất nghiệp cao, tỷ lệ phạm tội tăng lên, chất lượng môi trường đi xuống.

- Nông thôn ngày càng lạc hậu, mâu thuẫn đô thị và nông thôn ngày càng sâu sắc. Để giải quyết tổng hợp vấn đề này, năm 1949 Chính phủ Anh đã khởi động Kế hoạch London. Theo lý luận thành phố điển viên của Howard, cách thành phố trung tâm một khoảng cách nhất định lựa chọn khu vực nông nghiệp có giá đất tương đối thấp để xây dựng thành phố mới, đồng thời di chuyển dân số thành thị vào trong khu vực thành phố mới để sinh sống và làm việc. Biện pháp chủ yếu: Thứ nhất, xung quanh London xây dựng vành đai xanh có độ rộng bình quân là 5 dặm Anh để hạn chế sự mở rộng quá mức của thành phố; Thứ hai, xây dựng một loạt thành phố mới có khả năng tự cân bằng về mặt cư trú và công tác, phù hợp với tư tưởng của Howard, với quy mô 50 nghìn người, đạt được mục tiêu phân tán dân số đông đúc tại trung tâm thành phố; Thứ ba, tại khu vực cách trung tâm thành phố 20 - 35 km xây dựng "trung tâm phi từ tính", đồng thời mở rộng vào trong toàn bộ bố cục quy hoạch hệ thống cư dân thành phố thị trấn, đạt đến một hệ thống thành phố và thị trấn có kết cấu hoàn chỉnh, phân bố một cách đồng đều lực lượng sản xuất và dân số, thúc đẩy mục đích đô thị hóa và đô thị hóa nông thôn. Thông qua việc xây dựng thành phố mới, tăng cường sự coi trọng đối với nông thôn, hóa giải các vấn đề tại thành phố trung tâm, để khu vực London hình thành hệ thống thành phố thị trấn điển viên hòa hợp với thiên nhiên, giải quyết sự phát triển bất cân bằng quá mức giữa ngoại ô và thành phố, nâng cao mức độ đô thị hóa ngoại ô, đẩy mạnh sự dung hợp đô thị và nông thôn, thực hiện mục tiêu phát triển nhất thể hóa.

2. Nhất thể hóa đô thị - nông thôn của Paris

Bất kể trong lịch sử hay hiện tại, Paris luôn là trung tâm tập trung dân số. Trong một khoảng thời gian dài sau chiến tranh, khu vực Paris với sự phát triển quá tập trung tại khu vực trung tâm và lân cận gây ra sự ùn tắc giao

thông, chất lượng môi trường sống và làm việc giảm xuống rõ rệt, sự bất cân bằng trong phát triển ngoại ô ngày càng gia tăng. Để giải quyết mâu thuẫn giữa đô thị và nông thôn, thúc đẩy phát triển nhất thể hóa, năm 1965, Chính phủ Pháp đã thông qua "Phương án quy hoạch thành phố và điều chỉnh khu vực Paris". Ý tưởng cơ bản như sau:

- Xây dựng các thành phố mới ngoài các khu vực thành phố có mật độ tập trung cao. Thứ nhất, coi các thành phố mới là một bộ phận của Paris, chủ yếu thông qua việc thiết kế và xây dựng cẩn thận cơ sở hạ tầng mới như đường giao thông, tàu điện ngầm cao tốc ..., kết hợp Paris với các thành phố mới và các vùng nông thôn ngoại ô để những khu vực này hình thành một thể thống nhất hài hòa về mặt hình thái chức năng. Thứ hai, kết hợp hữu cơ, phân bố hợp lý việc xây dựng các thành phố mới và việc phát triển khu vực nông thôn. Các thành phố mới của Paris thường được xây dựng trên cơ sở của các thị trấn nhỏ vốn có, thông qua hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển ngành dịch vụ, từng bước hình thành trọng điểm của trung tâm hoạt động nghề nghiệp và xây dựng thành phố, tạo sự thu hút nhất định đối với khu vực xung quanh, đạt được mục đích hỗ trợ mạng lưới thành phố mới, dẫn dắt đô thị hóa khu vực nông thôn. Xét theo bố cục không gian, sự phân bố ở các thành phố mới khá đồng đều và luôn giữ mối liên hệ tốt đẹp với Paris, tránh sự tách rời hoàn toàn với khu vực thành phố trung tâm. Thông qua xây dựng đường bộ và đường sắt tại nông thôn và các khu vực lạc hậu, thúc đẩy phân tán hóa công nghiệp và hợp lý hóa bố cục, từ đó kích thích sự phát triển của các thành phố và thị trấn nhỏ.

- Đưa ra hệ thống các quy định pháp luật và biện pháp kinh tế hoàn thiện. Bắt đầu từ những năm 50 của thế kỷ XX, Chính phủ Pháp đã tập trung đưa ra một loạt các quy định pháp luật và biện pháp kinh tế để phát triển mở rộng công nghiệp và dân số đến các vùng ngoại ô. Đồng

thời, giao cho các thành phố mới ở ngoại ô quyền quản lý thống nhất về quy hoạch, khai thác và giám sát đất đai, đưa việc khai thác đất đai vào kế hoạch 5 năm và kế hoạch tài chính hàng năm để bảo đảm việc thực hiện các hạng mục quy hoạch.

Những chính sách kể trên đã thúc đẩy đô thị hóa nông thôn, cơ bản đạt đến sự phát triển cân

bằng hài hòa tại vùng ngoại ô, nhất thể hóa cục diện thịnh vượng chung.

Chúc Diệm

Nguồn: TC Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc, số 1/2012

ND: Kim Nhạn

Mục tiêu tiết kiệm năng lượng trong xây dựng tại các thành phố lớn của Trung Quốc năm 2012

Thành phố Bắc Kinh: Trong vòng 4 năm xây dựng mới 35 triệu m² công trình xanh

Trong 4 năm tới, thành phố Bắc Kinh đề ra mục tiêu xây dựng mới 35 triệu m² công trình xanh. Những công trình này chủ yếu tại các khu đô thị mới và các khu chức năng trọng điểm, cùng một số công trình trong các khu đô thị cũ. Theo Ủy ban Kế hoạch thành phố Bắc Kinh, bắt đầu từ năm 2012, việc xây dựng tại các khu đô thị mới và các khu chức năng trọng điểm cần thiết lập hệ thống chỉ tiêu bao gồm chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, tỷ lệ xây dựng xanh, bảo vệ môi trường sinh thái, giao thông công cộng, sử dụng năng lượng tái tạo, chuyển đổi đất, sử dụng nước tái chế, thu hồi sử dụng rác thải..., đưa vào quy hoạch tổng thể khu vực, quy hoạch chi tiết mang tính khống chế, quy hoạch chi tiết và quy hoạch đặc biệt mang tính xây dựng, thực hiện trên các dự án và khu đất cụ thể.

Thượng Hải: 7 sáng kiến thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong xây dựng

Theo Phòng Quản lý thị trường Vật liệu xây dựng thành phố Thượng Hải, để thúc đẩy công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, Thượng Hải sẽ áp dụng 7 biện pháp: 1) Tập trung các khu vực trọng điểm và các dự án lớn, đẩy mạnh phát triển công trình xanh, xây dựng khu đô thị cacbon thấp; 2) Tăng cường quản lý thông tin, xây dựng nền tảng thông tin thống nhất toàn thành phố; 3) Căn cứ tình hình thực

tế, tìm kiếm hệ thống kỹ thuật tiết kiệm năng lượng phù hợp với đặc điểm khí hậu địa phương và mô hình phát triển đô thị; 4) Học tập kinh nghiệm của thế giới, vận dụng cơ chế thị trường để phát triển dịch vụ tiết kiệm năng lượng trong xây dựng; 5) Theo nguyên tắc “ Công trình công cộng trọng điểm, thực hiện toàn diện”, từng bước thúc đẩy công tác cải tạo tiết kiệm năng lượng cho các công trình xây dựng; 6) Kết hợp xây dựng nông thôn mới, mở rộng phạm vi công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng; 7) Tăng cường tận dụng nguồn tài nguyên phế thải xây dựng.

Thiên Tân: Hoàn thành cải tạo 12 triệu m² nhà ở tiết kiệm năng lượng

Năm 2012, Thiên Tân đặt mục tiêu hoàn thành cải tạo 12 triệu m² nhà ở tiết kiệm năng lượng và 4 triệu m² công trình công cộng tiết kiệm năng lượng. Năm 2012, Thiên Tân sẽ triển khai trọng điểm hệ thống kết cấu xây dựng tiết kiệm năng lượng và nghiên cứu vật liệu bảo ôn, tăng cường ứng dụng vật liệu bảo ôn cho tường, thực hiện 4 bước thí điểm tiết kiệm năng lượng trên 4 triệu m² nhà ở.

Tứ Xuyên: Cuối năm 2015, giảm 10% lượng tiêu thụ năng lượng trên một đơn vị diện tích xây dựng công trình công cộng

“Phương án thực hiện tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải trong xây dựng thời kỳ 5 năm lần thứ 12” được tỉnh Tứ Xuyên ban hành đầu tháng 3/2012 đã xác định: các công trình dân dụng

xây dựng mới, xây dựng lại và xây dựng mở rộng tại các thành phố thị trấn trong khu vực quy hoạch đô thị (bao gồm nhà ở và công trình công cộng) phải nghiêm túc thực hiện toàn diện tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng quốc gia. Đến cuối năm 2015, phấn đấu mục tiêu giảm 10% lượng tiêu thụ năng lượng trên một đơn vị diện tích xây dựng công trình công cộng, toàn tỉnh hoàn thành toàn diện mục tiêu cấm sử dụng gạch đặc đất sét nung, lượng sử dụng gạch phiến sét không vượt quá 25%, tỷ lệ sử dụng vật liệu xây tường kiểu mới trong toàn tỉnh bình quân đạt 75%.

Thâm Quyển: Nhiều sáng kiến thúc đẩy phát triển công trình xanh tiết kiệm năng lượng và tiết kiệm vật liệu

Cục Xây dựng thành phố Thâm Quyển đã đề ra nhiều biện pháp thúc đẩy phát triển công trình xanh tiết kiệm năng lượng, phấn đấu 100% công trình dân dụng xây dựng mới (bao gồm nhà ở và công trình công cộng) sẽ nghiêm túc tuân thủ “Tiêu chuẩn Thiết kế tiết kiệm năng lượng công trình nhà ở tại khu vực nóng về mùa hè và lạnh về mùa đông”, “Tiêu chuẩn Thiết kế tiết kiệm năng lượng công trình công cộng” trong thiết kế và xây dựng. Những tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng này có rất nhiều yêu cầu bắt buộc, những bản thiết kế không phù hợp với các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng sẽ không được cấp phép xây dựng. Thiết lập chế độ thẩm tra thiết kế tiết kiệm năng lượng xây dựng, giám sát công trình và nghiệm thu hoàn công, tăng cường giám sát và thực thi pháp luật, bắt buộc thực hiện các tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng đối với các công trình mới.

Thiểm Tây: Công trình xanh là trọng điểm

Năm 2012, tỉnh Thiểm Tây đưa việc phát triển công trình xanh trở thành công tác trọng điểm. Cụ thể được thể hiện ở ba phương diện: Tăng cường nghiên cứu phát triển các kỹ thuật liên quan như thiết kế, thi công, đánh giá ... đối

với công trình xanh, đẩy nhanh chuyển hóa ứng dụng kỹ thuật và sản phẩm sử dụng cho công trình xanh; Tăng cường quản lý tiêu chí đánh giá công trình xanh, hoàn thiện các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật đánh giá công trình xanh; tập trung thúc đẩy công trình xanh tại 10 huyện trọng điểm và 3 - 5 thị trấn trọng điểm.

Tô Châu: Xây dựng cơ sở dữ liệu tiêu thụ năng lượng đối với công trình công cộng

Để tăng cường quản lý tiết kiệm năng lượng trong công trình công cộng, thúc đẩy cải tạo tiết kiệm năng lượng công trình công cộng, Cục Xây dựng nhà ở, đô thị và nông thôn thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô gần đây đã ban hành “Thông báo về việc thúc đẩy công tác tiết kiệm năng lượng trong công trình công cộng thành phố Tô Châu”, xác định mục tiêu thống kê toàn diện về mức độ tiêu thụ năng lượng của các công trình công cộng để xây dựng cơ sở dữ liệu tiêu thụ năng lượng trong công trình công cộng. Trên cơ sở này, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về quản lý sử dụng năng lượng trong công trình công cộng, đối với những đơn vị tiêu thụ năng lượng cao cần kịp thời điều tra, không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng năng lượng trong công trình công cộng.

Hà Bắc: Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc về tiết kiệm năng lượng xây dựng của các công trình mới đạt 100%

Mục tiêu công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng của tỉnh Hà Bắc năm 2012 là: Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc về tiết kiệm năng lượng trong xây dựng của các công trình mới đạt 100%, tỷ lệ công trình tiết kiệm năng lượng tại các thành phố thị trấn trong tổng số các công trình tăng thêm 2%, đạt 29%; hoàn thành cải tạo tiết kiệm năng lượng cho 10 triệu m² công trình nhà ở và công trình công cộng; tỷ lệ công trình xây dựng sử dụng năng lượng tái tạo đạt 38%; đẩy mạnh xây dựng các thành phố mẫu, các khu vực nông thôn cấp huyện mẫu về ứng dụng năng lượng tái tạo; mỗi thành phố hoàn thành xây dựng trên 1 hạng mục tiểu khu

xanh 100 nghìn m², làm nổi bật được hiệu quả trong xây dựng tiểu khu xanh tại các thành phố cấp huyện, toàn tỉnh hoàn thành xây dựng trên 20 tiểu khu xanh; việc quản lý giám sát tiết kiệm năng lượng tại các công trình công cộng quy mô lớn và các trụ sở cơ quan nhà nước đã có được những tiến triển khá lớn.

Sơn Đông: Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng dân dụng

Hiện tại, các điều lệ tiết kiệm năng lượng trong xây dựng dân dụng đã được đưa vào kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn Đông năm 2012, các cơ quan xây dựng và các cơ quan liên quan của tỉnh Sơn Đông đang tích cực thúc đẩy công tác này, bảo đảm chắc chắn trong nửa cuối năm 2012 sẽ trình lên Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phẩn đấu trước khi kết thúc năm 2012 ban hành thực hiện. Về phương diện thực tiễn cụ thể về tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, tỉnh Sơn Đông sẽ nỗ lực phát triển công trình xanh tiết kiệm tài nguyên. Sở Xây dựng nhà ở, đô thị và nông thôn tỉnh Sơn Đông yêu cầu, năm 2012, mỗi thành phố trong tỉnh ít nhất cần có 3 hạng mục giành được biểu tượng tiêu biểu về công trình xanh, các đơn vị thiết kế cấp I ít nhất cần hoàn thành 1 hạng mục thiết kế công trình xanh, đây sẽ là nội dung quan trọng trong kiểm tra khảo sát tiết kiệm năng lượng trong xây dựng của toàn tỉnh cuối năm 2012. Năm 2012, tỉnh Sơn Đông tiếp tục thúc đẩy toàn diện tiết kiệm năng lượng trong xây dựng công trình mới, bảo đảm chắc chắn các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng trong giai đoạn thi công xây dựng công trình mới có tỷ lệ chấp hành không dưới 98%. Về phương diện cải tạo tiết kiệm năng lượng đối với nhà ở, tỉnh Sơn Đông yêu cầu trong năm 2012 - 2013 cần hoàn thành 34,85 triệu m² diện tích cải tạo tiết kiệm năng lượng đối với nhà ở.

Giang Tây: Tỷ lệ tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng đạt 100%

Năm 2011, công tác nhất thể hóa ứng dụng

xây dựng năng lượng tái tạo và ứng dụng xây dựng quang điện năng lượng mặt trời tỉnh Giang Tây đã đạt được những thành quả nhất định. Để công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng được nâng cao hơn nữa, Sở Xây dựng nhà ở, đô thị và nông thôn tỉnh Giang Tây đã xác định rõ mục tiêu công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng cho năm 2012: tỷ lệ tiết kiệm năng lượng của công trình mới đạt 50%, tỷ lệ tuân thủ tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng đạt 100%.

Nội Mông: hoàn thành 10 triệu m² công trình cải tạo tiết kiệm năng lượng

Năm 2011, những thành quả trong công tác cải tạo tiết kiệm năng lượng trong xây dựng nhà ở của Nội Mông khá rõ nét, toàn khu vực tổng cộng đã hoàn thành 11 triệu m² cải tạo tiết kiệm năng lượng, giải ngân hơn 900 triệu NDT kinh phí hỗ trợ của Nhà nước Trung Quốc và của khu tự trị cho việc cải tạo tiết kiệm năng lượng, đây là lượng cải tạo lớn nhất từ trước tới nay. Đồng thời, Nội Mông còn tích cực mở rộng “công trình xanh”, khu tự trị có 23 dự án mẫu ứng dụng năng lượng tái tạo và đã hoàn thành xây dựng 17 dự án, có 9 dự án mẫu về ứng dụng xây dựng quang điện năng lượng mặt trời của quốc gia. Năm 2012, Nội Mông sẽ tiếp tục nỗ lực thực hiện cải tạo tiết kiệm năng lượng với kế hoạch cả năm 2012 hoàn thành 10 triệu m² cải tạo tiết kiệm năng lượng.

Quý Châu: Năm 2012, Sở Xây dựng nhà ở, đô thị và nông thôn đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng trong xây dựng

Với sự hỗ trợ của khoa học kỹ thuật, tỉnh Quý Châu thúc đẩy toàn diện việc tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, tăng cường trọng điểm việc kiểm tra giám sát tình hình tuân thủ tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng trong giai đoạn thiết kế, xây dựng đối với các thành phố cấp huyện trở xuống. Phấn đấu hoàn thành trước thời hạn nhiệm vụ xây dựng hệ thống quản lý giám sát tiết kiệm năng lượng trong công trình công cộng lớn và trụ sở cơ quan nhà nước,

hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ xây dựng thành phố mẫu ứng dụng năng lượng tái tạo, mở rộng phạm vi ứng dụng xây dựng năng lượng tái tạo, hoàn thiện chế độ, tiêu chí đánh giá và hệ thống hỗ trợ kỹ thuật đối với công trình xanh. Đưa ra các ý kiến chỉ đạo cải tạo hệ

thống chiếu sáng đường thành phố, mở rộng quy mô tiết kiệm năng lượng trong xây dựng.

Nguồn: <http://www.cscec.com.cn>

ND: Kim Nhạn

Thị trấn cổ, thôn cổ: quá trình bảo vệ và mô thức điển hình

Trải qua quá trình phát triển lâu đời, các địa phương của Trung Quốc đã hình thành nên nhiều thị trấn cổ và thôn cổ giàu nét đặc sắc. Những thị trấn cổ và thôn cổ này chứa đựng trong mình những giá trị văn hóa dân gian gắn liền với hình thái sinh hoạt của người dân trong quá trình chuyển mình từ xã hội nông nghiệp sang xã hội tiểu thủ công nghiệp, tạo nên không gian vật chất đặc thù và phong phú, có đủ các đặc tính cơ bản như tính lịch sử, tính nguyên sơ, tính truyền thống, tính nông nghiệp, tính tươi trẻ, tính chỉnh thể... Những thị trấn cổ, thôn cổ là những thực thể phản ánh nền kiến trúc truyền thống ưu tú, nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật tạo hình, hình thái không gian truyền thống và tính thanh lịch dân dã, phản ánh tập trung quá trình lịch sử và sự hình thành quần cư của các khu vực khác nhau qua các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau.

I. Quá trình khai thác và bảo vệ thị trấn cổ và thôn cổ

1. Giai đoạn tìm tòi phát triển

Từ thập kỷ 80 đến thập kỷ 90 thế kỷ XX là giai đoạn tìm tòi bảo vệ và phát triển thị trấn cổ và thôn cổ ở Trung Quốc. Đặc điểm của giai đoạn này là: phát triển công nghiệp là chủ đạo; số lượng thị trấn cổ và thôn cổ tham gia phát triển du lịch không nhiều; du lịch thị trấn cổ và thôn cổ mới manh nha; chính quyền và nhân dân đa số các địa phương phản đối việc bảo vệ thị trấn cổ và thôn cổ; số lượng các thị trấn và thôn xóm tham gia phát triển du lịch tăng trưởng với cơ sở tương đối nhỏ; về cơ bản, công tác

quản lý còn trong trạng thái tự phát; đầu tư tiền vốn bên ngoài tương đối ít. Giữa thập kỷ XX, một số ít thị trấn cổ và thôn cổ nhận thức được giá trị của mình, đã bắt đầu bảo vệ và khai thác, tiêu biểu là thị trấn Chu Trang thuộc thành phố Côn Sơn, tỉnh Giang Tô và thôn Tây Đệ, thị trấn Tây Đệ, tỉnh An Huy. Năm 1986, giáo sư Nguyễn Nghi Tam của trường Đại học Đồng Tế đã biên soạn "Quy hoạch tổng thể bảo vệ thị trấn cổ", trong đó xác định tư tưởng phát triển "bảo vệ thị trấn cổ, xây dựng khu mới, mở ra cánh cửa du lịch, phát triển kinh tế" và thực hiện quy hoạch cho tới nay. Năm 1988, thị trấn Chu Trang thành lập Công ty dịch vụ tàu thuyền du lịch Chu Trang (thuộc chính quyền thị trấn Chu Trang), năm 1989 bắt đầu thực hiện khai thác du lịch, bán vé cho khách tham quan các danh lam, thắng cảnh của thị trấn, bắt đầu quá trình phát triển du lịch "Sông nước Trung Quốc". Thị trấn Tây Đệ thành lập Ban chỉ đạo phát triển du lịch vào năm 1985, đến năm 1986 thành lập Ban quản lý cảnh quan du lịch Tây Đệ và đến năm 1993, chính thức thành lập Công ty dịch vụ du lịch Tây Đệ. Nếu như năm 1986, thôn cổ Tây Di đón hơn 600 khách du lịch, thì đến năm 1997, lượng khách du lịch đến Tây Di đã tăng vọt lên tới 115.000 người (vé tham quan tăng từ 0,2 NDT lên 20 NDT, thu nhập từ tiền vé tăng từ 137 NDT lên tới 2,39 triệu NDT).

Phần lớn các thôn cổ triển khai nghiệp vụ du lịch giai đoạn này đều do nhân dân trong thôn hoặc chính quyền địa phương chủ trương, ví dụ thị trấn Chu Trang, thôn Tây Di do chính quyền

thị trấn và ủy ban thôn chủ quản, về sau do Công ty du lịch chịu trách nhiệm kinh doanh. Ngay đến cả Hoàng Thôn - đại biểu điển hình của mô hình doanh nghiệp bên ngoài quản lý kinh doanh sau này, cũng do phòng Du lịch huyện, chính quyền thị trấn và ủy ban thôn kinh doanh trước năm 1997. Giai đoạn này, doanh nghiệp bên ngoài đầu tư rất ít vào khai thác và quản lý thị trấn cổ và thôn cổ.

2. Giai đoạn phát triển nhanh chóng

Thời kỳ giữa và cuối thập kỷ 90 thế kỷ XX, sau khi vừa trải qua cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, hoạt động sản xuất công nghiệp ở nông thôn phát triển rất khó khăn. Ngành du lịch trở thành cực tăng trưởng mới của nền kinh tế Trung Quốc. Học tập mô hình kinh tế du lịch của thị trấn Chu Trang, chính quyền nhiều địa phương đã tích cực triển khai bảo vệ thị trấn cổ và thôn cổ. Bước sang đầu thế kỷ XXI, công tác bảo vệ, khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ ở Trung Quốc bước vào giai đoạn phát triển nhanh chóng.

Nhân tố chủ yếu thúc đẩy các thị trấn cổ và thôn cổ phát triển du lịch là: kinh tế quốc dân phát triển liên tục, chế độ ngày nghỉ được đề ra và thực hiện đã khiến cho nhu cầu du lịch trong nước ngày càng tăng, xã hội và công chúng ngày càng quan tâm đến di sản thế giới, di sản văn hóa, di sản truyền thống...; chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân các địa phương ngày càng nhận thức sâu sắc hiệu quả kinh tế của việc khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ. Đồng thời, một số điểm du lịch nổi tiếng như thị trấn cổ sông nước Giang Nam - đại biểu là Chu Trang, thôn cổ Huy Châu - đại biểu là Tây Đệ, Hoàng Châu dần dần hình thành, thúc đẩy ngành du lịch phát triển. Năm 2000, "Thôn cổ An Huy Trung Quốc (Tây Đệ, Hoàng Thôn)" được xếp vào danh sách di sản thế giới đã làm đẩy lên cơn sốt du lịch thị trấn cổ và thôn cổ.

Đặc điểm của giai đoạn này là đã dần dần hình thành nhận thức chung về bảo vệ và phát triển, số lượng thị trấn cổ và thôn cổ phát triển

du lịch tăng lên nhanh chóng; từng bước hình thành các thị trấn cổ và thôn cổ có thương hiệu, lượng khách du lịch tăng mạnh, công tác bảo vệ thị trấn cổ và du lịch cảnh quan thúc đẩy lẫn nhau, bổ sung cho nhau, quan niệm bảo vệ, thể chế bảo vệ quản lý và phương thức bảo vệ có xu thế phát triển đa nguyên hóa...các mâu thuẫn xã hội về khai thác du lịch thị trấn cổ, thôn cổ cũng bắt đầu xuất hiện.

Ngoài chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư địa phương, các công ty du lịch bên ngoài cũng đầu tư tiền vốn khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ. Ví dụ, năm 1998, tập đoàn Trung Khôn Bắc Kinh hợp tác với chính quyền địa phương, giành được quyền kinh doanh du lịch trong 30 năm đối với 04 thôn cổ thuộc tỉnh An Huy. Từ đó, về cơ bản, đã hình thành các mô hình quản lý khác nhau như chính quyền địa phương chủ đạo quản lý (như Chu Trang...), cư dân trong thôn tự chủ quản lý (như Tây Đệ...), doanh nghiệp bên ngoài kinh doanh (như Hoàng Thôn...). Theo sau việc các cấp chính quyền, doanh nghiệp bên ngoài, cư dân địa phương và các giới trong xã hội nhận thức rõ về tầm quan trọng nguồn tài nguyên du lịch, đặc biệt là giá trị kinh tế của thị trấn cổ và thôn cổ, các mâu thuẫn xã hội cũng từng bước xuất hiện. Các tranh chấp lợi ích xuất hiện ở nhiều mức độ khác nhau nảy sinh ra giữa cư dân địa phương và doanh nghiệp, giữa cư dân địa phương và chính quyền, nội bộ cư dân địa phương với nhau...

3. Giai đoạn phát triển liên tục

10 năm gần đây là giai đoạn du lịch thị trấn cổ và thôn cổ phát triển liên tục. Đặc điểm của giai đoạn này là số lượng thị trấn cổ và thôn cổ khai thác du lịch tăng mạnh; lượng khách du lịch tới thị trấn cổ và thôn cổ tăng trưởng liên tục; các mô thức thay đổi một cách tự phát; mọi người đều coi trọng các quan niệm như phát triển bền vững, cùng nhau bảo vệ di sản vật chất và di sản phi vật chất, người có lợi ích hữu quan, cộng đồng được lợi...

Từ năm 2004, số lượng thị trấn cổ và thôn cổ có kế hoạch phát triển du lịch tăng mạnh ở khắp các địa phương ở Trung Quốc. Hiện nay, toàn Trung Quốc có hơn 200 thị trấn cổ và thôn cổ khai thác du lịch, hơn 1.000 dự án có thể khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ. Tất nhiên, đây chưa phải là thống kê chính xác và khoa học, nhưng nó cũng phần nào phản ánh được xu thế khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ. Số khách du lịch tới thị trấn cổ và thôn cổ cũng tăng trưởng liên tục. Cơ sở du lịch, khai thác thị trấn cổ và thôn cổ cũng đã bộc lộ nhiều vấn đề, mà nghiêm trọng nhất đó là phá hoại các di tích vật thể, gây ô nhiễm môi trường, nó vừa ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển lành mạnh, có trật tự và bền vững của các thị trấn cổ, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác hiện đại hóa nông nghiệp của cả vùng nông thôn rộng lớn, trở thành điểm nóng, vấn đề trọng điểm khiến mọi người phải ngày càng quan tâm, suy nghĩ về sự phát triển bền vững của thị trấn cổ và thôn cổ. Đã xuất hiện nhiều vấn đề trong quá trình khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ, căn nguyên sâu xa của chúng là thiếu và định vị nhầm người có lợi ích hữu quan, cơ chế không hoàn thiện. Hiện nay quá trình khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ đang trong trạng thái phức tạp, đa dạng và không chính thức, muốn điều chỉnh hợp lý quan hệ giữa những người có lợi ích hữu quan, cần phải xây dựng một cơ chế thúc đẩy lẫn nhau và cục diện lợi ích thỏa đáng, giải quyết tốt các mâu thuẫn hiện có thực sự là tiền đề để chúng ta bảo vệ, phát triển bền vững nguồn tài nguyên du lịch thị trấn cổ và thôn cổ.

II. Những mô thức điển hình

Xét từ góc độ chủ thể quản lý và cơ chế quản lý, công tác bảo vệ, khai thác thị trấn cổ và thôn cổ của Trung Quốc có phương hướng chủ đạo là phát triển du lịch, có thể chia mô thức quản lý thành mấy loại hình sau:

1. Mô thức do chính quyền địa phương chủ đạo kinh doanh

Ví dụ tiêu biểu là Chu Trang ở Giang Tô. Ngay từ khi bắt đầu, công tác khai thác du lịch Chu Trang được tiến hành dưới sự chỉ đạo của chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương không những vận dụng các biện pháp thẩm tra phê chuẩn, quản lý hành chính, tiến hành quản lý vĩ mô khai thác du lịch thị trấn cổ và thôn cổ, chịu trách nhiệm xây dựng công trình công cộng, dịch vụ công cộng và công việc xã hội trong thị trấn cổ và thôn cổ, mà còn tham gia vào khai thác và kinh doanh du lịch ở mức độ nhất định. Điều khác biệt là do thời đại phát triển, phương thức và mức độ chính quyền địa phương tham gia vào khai thác, kinh doanh du lịch thị trấn cổ và thôn cổ có nhiều thay đổi. Thập kỷ 80 thế kỷ XX, chính quyền thành lập Công ty tàu thuyền du lịch Chu Trang. Chính quyền không những chịu trách nhiệm đề ra quy hoạch bảo vệ thị trấn cổ và thôn cổ, tu sửa đường sá, mà còn đảm nhận các công tác như tu sửa, khai thác các điểm thăm quan trong khu vực bảo vệ thị trấn cổ và thôn cổ, tiếp đón khách du lịch... Về sau, chức năng của chính quyền và doanh nghiệp kinh doanh du lịch dần trở nên rõ ràng. Xét về việc phát triển du lịch thị trấn cổ và thôn cổ, hiện nay chính quyền chủ yếu chịu trách nhiệm các vấn đề vĩ mô như quy hoạch tổng thể, đầu tư xây dựng công trình cơ bản, điều tiết và quản lý, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội...; đồng thời, sau khi cải cách chế độ năm 2001, chính quyền nắm 75% cổ phần trong công ty cổ phần. Công ty du lịch chịu trách nhiệm các công tác thị trường như đón tiếp phục vụ khách du lịch, kinh doanh tài sản và điểm cảnh quan, tuyên truyền quảng bá du lịch, khai thác các điểm cảnh quan, quản lý khu vực cảnh quan trong thị trấn cổ và thôn cổ.

2. Mô thức cộng đồng tự chủ kinh doanh

Tiêu biểu là thôn Tây Đệ tỉnh An Huy. Từ khi bắt đầu khai thác du lịch mang tính thương mại từ năm 1986 tới nay, quyền kinh doanh du lịch luôn nằm trong tay ủy ban thôn, họ đã nhiều lần từ chối yêu cầu và mệnh lệnh hành chính của

phòng Du lịch huyện đòi hỏi phải trao quyền kinh doanh du lịch cho phòng Du lịch huyện. Công ty khai thác du lịch Tây Đệ là công ty du lịch của thôn nằm dưới sự lãnh đạo của chính quyền thị trấn, là doanh nghiệp mang tính tập thể. Bí thư thôn kiêm nhiệm giám đốc công ty. “Hai ủy ban” thôn Tây Đệ và công ty du lịch là “một cơ quan nhưng có hai biển hiệu”. Đảng không tách khỏi chính quyền, chính quyền không tách khỏi doanh nghiệp. Thôn Gia Cát thuộc tỉnh Triết Giang...cũng theo mô thức này.

3. Mô thức doanh nghiệp bên ngoài khai thác kinh doanh

Mô thức này có hai hình thức cụ thể khác nhau: Thứ nhất là do doanh nghiệp bên ngoài nhận thầu kinh doanh toàn bộ; thứ hai là do doanh nghiệp bên ngoài góp cổ phần, hợp tác kinh doanh với chính quyền địa phương hoặc doanh nghiệp hữu quan. Đại biểu điển hình cho mô thức này là Hoàng Thôn, tỉnh An Huy, Nam Tầm, tỉnh Triết Giang, Ô Trấn, tỉnh Triết Giang...Tập đoàn Trung Khôn Bắc Kinh hợp tác với chính quyền địa phương, giành được quyền kinh doanh du lịch trong 30 năm đối với 04 bốn thôn cổ của Hoàn Nam như Hoàng Thôn, Nam Bình, Quan Lộc, Nghi Huyện của tỉnh An Huy. Năm 2003, chính quyền khu vực Nam Tầm, thành phố Hồ Châu, tỉnh Triết Giang ký hợp đồng với Công ty TNHH Bác Đại - Thượng Hải, theo đó Công ty Bác Đại đầu tư 2,3 tỷ NDT và độc quyền khai thác, bảo vệ, kinh doanh du lịch thị trấn Nam Tầm trong 30 năm. Công ty Bác Đại độc quyền kinh doanh khu vực thị trấn cổ, chính quyền khu Nam Tầm có chức năng giám sát và có trách nhiệm phối hợp trong các công tác liên quan. Năm 2007, thị trấn cổ Đồng Lý ký với tập đoàn Thế Mậu Trung Quốc, cùng xây dựng “khu sinh thái du lịch Đồng Lý”, hùn vốn thành lập “Công ty TNHH khai thác quốc tế Đồng Lý Tô Châu”, trong đó tập đoàn Thế Mậu góp 51%, giữ quyền kinh doanh.

III. Một vài suy nghĩ về bảo vệ, khai thác thị trấn cổ và thôn cổ

1. Kết hợp bảo vệ với thương mại hóa du lịch thị trấn cổ và thôn cổ

Thị trấn cổ và thôn cổ là tiêu bản sống của văn hóa Trung Hoa, là bức tranh tái hiện cảnh sắc sinh hoạt nguyên sơ, đời sống sinh hoạt mang đậm nét văn hóa địa phương. Điều quan trọng là làm thế nào để khai thác tài nguyên văn hóa, tài nguyên kinh tế của thị trấn cổ, thôn cổ, giúp cho sản phẩm du lịch thị trấn cổ và thôn cổ trở nên đặc sắc, chỉnh thể và hệ thống.

2. Kết hợp phát triển du lịch nông thôn với nâng cấp văn hóa thị trấn cổ và thôn cổ

Phát triển du lịch nông thôn là một trong những biện pháp hữu hiệu giải quyết vấn đề “tam nông”. Phát triển du lịch nông thôn cần phải dựa vào vào sản xuất nông sản phẩm mới, kỳ lạ, chất lượng cao và đặc biệt là cần có bố cục quy mô nhất định và sản xuất chuyên canh hóa. Ví dụ, Tết Hoa đào Thượng Hải, vườn hoa cúc Lạc Đại, Tùng Giang, Thượng Hải đều căn cứ vào bố cục quy mô và sản xuất hoa đào, hoa cúc. Du lịch nông thôn cũng cần có sự đồng bộ các yếu tố dịch vụ ăn uống, cư trú, đi lại, mua sắm, giải trí... Vì vậy, phát triển du lịch nông thôn cũng giúp thúc đẩy mạnh mẽ các ngành dịch vụ hữu quan như ăn uống, khách sạn, thương mại, giải trí... phát triển ở thị trấn cổ và thôn cổ. Du lịch nông thôn đã khai thác chức năng phi nông nghiệp của nông thôn ở những thị trấn cổ và thôn cổ, thay đổi phương thức tăng trưởng nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng của nông nghiệp. Vì vậy, về bản chất, du lịch nông thôn thuộc về một hình thái của ngành dịch vụ hiện đại. Ngoài ra, nhanh chóng phát triển du lịch nông thôn là phương tiện quan trọng để xây dựng văn hóa đô thị lớn. Quá trình phát triển du lịch nông thôn cũng là quá trình phát triển văn hóa sản xuất, văn hóa kinh doanh và văn hóa tiêu thụ.

3. Kết hợp phát triển du lịch với phát triển bền vững thị trấn cổ và thôn cổ

Du lịch và văn hóa không thể tách rời nhau, văn hóa là linh hồn của du lịch, du lịch là

phương tiện truyền bá văn hóa. Chỉ có bảo tồn văn hóa nghệ thuật một cách bền vững, mới có thể có được tài sản lớn nhất của thị trấn cổ và thôn cổ. Thông qua nâng cấp, chuyển đổi mô hình du lịch thị trấn cổ và thôn cổ, cần phải chuyển hướng từ bảo vệ thị trấn cổ và thôn cổ sang truyền bá văn hóa. Thông qua phát triển ngành dịch vụ - ngành sản xuất thứ ba, tạo lập công ăn việc làm, dựa vào sự nhiệt tình làm việc và năng lực sáng tạo của cư dân địa phương, khiến cho người dân địa phương trở thành chủ thể bảo vệ di sản văn hóa và di sản tự nhiên của địa phương, thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

4. Kết hợp sáng tạo văn hóa với bảo vệ thị trấn cổ và thôn cổ

Cần phải phát triển sáng tạo văn hóa ở thị trấn cổ và thôn cổ. Ví dụ, thị trấn Chu Trang, tỉnh Giang Tô dựa vào ưu thế tranh dân gian địa phương, xây dựng Chu Giang thành trung tâm sản xuất, triển lãm và tiêu thụ tranh dân gian của khu vực Hoa Đông; trên cơ sở triển lãm "Chu Giang bốn mùa", kinh kịch hiện có, phát triển nhiều sản phẩm văn hóa nghệ thuật với các nội dung, hình thức khác nhau, hình thành

trung tâm biểu diễn nghệ thuật đậm nét đặc sắc của địa phương, thể hiện rõ văn hóa địa phương; đồng thời còn khôi phục dáng vẻ cũ một số khu phố cũ, diện mạo khách điểm xưa, khu dân cư trong thị trấn cổ, khiến chúng trở thành phương tiện thể hiện nét văn hóa truyền thống; tập trung lực lượng xây dựng khu thiết kế, chế tạo, tiêu thụ sản phẩm du lịch của các địa phương Trung Quốc. Ngoài ra, Chu Trang còn tổ chức các hoạt động văn hóa mang đậm nét đặc sắc Đài Loan, hoạt động triển lãm giao lưu nghệ thuật hội họa... Như vậy, không những có thể tránh khỏi hiện tượng "đơn điệu hóa, đồng chất hóa" thị trấn cổ và thôn cổ khu vực Giang Nam, mà còn có thể kết hợp hữu cơ phát triển văn hóa với nhu cầu kinh tế - xã hội, thông qua đẩy mạnh thực hiện hiện đại hóa, gánh vác trách nhiệm lịch sử phát triển và làm phồn vinh văn hóa, thúc đẩy văn hóa và kinh tế địa phương phát triển vượt bậc.

Hoàng Oanh

*Tạp chí "Xây dựng đô thị và nông thôn" TQ
số 2/2012*

ND: Hoàng Thế Vinh

Thành phố Duy Phường, tỉnh Sơn Đông - ứng dụng hiệu quả năng lượng tái tạo trong xây dựng

Những năm gần đây, Ban Nhà ở - Đô thị và Nông thôn thành phố Duy Phường, tỉnh Sơn Đông đã không ngừng học hỏi và nghiên cứu ứng dụng nhiều giải pháp mới nhằm giúp tiết kiệm năng lượng trong xây dựng. Mới đây, Ban Nhà ở - Đô thị và Nông thôn Duy Phường đã được Cục An sinh xã hội và nguồn nhân lực, Ủy ban Thông tin kinh tế tỉnh Sơn Đông tặng danh hiệu "Đơn vị tiên tiến" vì thành tích thực hiện tốt Kế hoạch 5 năm lần thứ 11 mà Chính phủ Trung Quốc đã đề ra. Đến cuối tháng 9/2011, Bộ Tài chính, Bộ Nhà ở - Đô thị và Nông thôn Trung Quốc đã công bố danh sách các huyện thị đang ứng dụng năng lượng tái tạo trong xây

dựng và Duy Phường được đề cử là thành phố thành công trong việc ứng dụng năng lượng tái tạo, đồng thời được nhận hỗ trợ 80 triệu NDT từ nguồn vốn ngân sách Trung ương.

1. Thúc đẩy mạnh mẽ, hoàn thiện cơ chế

Từ năm 2010 đến nay, thành phố Duy Phường tập trung nghiên cứu ứng dụng nguồn tài nguyên phong phú từ năng lượng mặt trời, năng lượng địa nhiệt... để giảm lượng phát thải cacbon trong khu vực và nỗ lực thực hiện tốt công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Thành phố Duy Phường đã thành lập một ban chỉ đạo ứng dụng năng lượng tái tạo trong xây dựng, kiện toàn cơ chế đánh giá, đồng thời

ban hành văn bản quy phạm như: “Những ý kiến liên quan đến việc từng bước ứng dụng năng lượng tái tạo trong xây dựng”, “Biện pháp quản lý tiết kiệm năng lượng trong xây dựng dân dụng của thành phố Duy Phường”. Chính quyền thành phố chỉ đạo chính quyền các cấp tổng hợp, đánh giá việc triển khai ứng dụng năng lượng tái tạo tại các huyện thị và các khu mở rộng, tăng cường hỗ trợ bằng cách “khen thưởng thay cho hỗ trợ”, tuyển chọn người đảm nhiệm công việc chuyên môn, tiến hành đánh giá tỉ mỉ tình hình ứng dụng năng lượng tái tạo trong toàn thành phố, đồng thời giao cho Viện Nghiên cứu Công nghệ xây dựng Trung Quốc xây dựng phương án và kế hoạch thực hiện ứng dụng năng lượng tái tạo trong xây dựng ở mức cao nhất, lập ra mô hình “6 + X”. Trong đó, “6” là 6 mục tiêu cần thực hiện gồm: thúc đẩy tích hợp nhiệt lượng mặt trời trong xây dựng, vật liệu cách nhiệt cho tường và cửa sổ, đo lường nhiệt cung cấp cho các hộ gia đình, các sản phẩm chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, công nghệ mới bơm nguồn nhiệt từ dưới lòng đất và tỷ lệ phủ xanh đạt trên 35%. “X” là căn cứ vào thực tế, ưu tiên những công nghệ mới, sản phẩm mới cho việc ứng dụng tích hợp nhiệt lượng mặt trời vào trong xây dựng, hệ thống thông gió thông minh mới, hệ thống thu nước mưa, tái chế nước thải, xử lý rác thải... .

Theo ông Lý Quảng Đông - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Trung Quốc cho biết, ứng dụng năng lượng tái tạo là biện pháp quan trọng, vừa thân thiện với môi trường, vừa tiết kiệm tài nguyên, là động lực thúc đẩy thành phố Duy Phường thực hiện tiết kiệm năng lượng trong xây dựng. Cho đến nay, đã có 41 dự án xây dựng ứng dụng mô hình cacbon thấp với tổng diện tích là hơn 4 triệu m², trong đó có 10 dự án với tổng diện tích là 900 nghìn m² đã được bàn giao đưa vào sử dụng và đã có khoảng 30 nghìn người đến ở. Ước tính, so với các dự án xây dựng thông thường, những dự án xây dựng theo mô hình cacbon thấp, có thể giảm hơn

50% lượng phát thải, mức tiêu thụ năng lượng tái tạo chiếm hơn 20% trong tổng số năng lượng tiêu thụ.

2. Thống nhất quy hoạch, huyện thị liên kết, ứng dụng phát triển bền vững

Căn cứ vào thực tế, các khu vực huyện thị cần đưa ra những chính sách hỗ trợ phù hợp. Ví dụ như: thành phố Thọ Quang, tỉnh Sơn Đông, đưa ra chính sách hỗ trợ 10 NDT trên mỗi m² xây dựng theo mô hình cacbon thấp; miễn giảm các loại phí đối với những dự án cacbon thấp tại các khu công nghệ cao. Để giải quyết tình trạng tiêu thụ năng lượng quá cao như trước đây và nâng cao ý thức sử dụng năng lượng tái tạo, thành phố đã ban hành một số chính sách như “Thông báo về việc nhanh chóng thúc đẩy ứng dụng năng lượng mặt trời trong xây dựng” và “Thông báo về việc tăng cường thiết kế tích hợp năng lượng trời trong xây dựng”.... Ngoài những yêu cầu đối với các huyện thị trong việc đổi mới, mở rộng xây dựng nhà ở theo mô hình mới, thành phố còn yêu cầu các địa phương, các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện các quy định về tiết kiệm năng lượng từ khâu thiết kế xây dựng, thẩm tra bản vẽ thi công, quản lý thi công, nghiệm thu cho đến khâu đăng ký bắt động sản...Đồng thời, dựa vào ưu thế công nghệ và cơ sở hạ tầng phục vụ cho ngành năng lượng mới của địa phương, áp dụng mô hình “6 + X”, trước khi bắt đầu dự án xây dựng theo mô hình giảm phát thải cacbon, cần nghiên cứu kỹ các công nghệ làm mát cũng như cấp nhiệt từ nguồn năng lượng mặt trời và địa nhiệt, hiện đã có 9 dự án ứng dụng chiếu sáng bằng công nghệ năng lượng mặt trời quang điện, đèn LED sử dụng năng lượng mặt trời.

Thành phố Duy Phường đã tăng cường mở rộng ứng dụng công nghệ tích hợp năng lượng trong xây dựng, cố gắng đạt được quy hoạch, thiết kế, thi công, nghiệm thu đồng bộ. Cách đây không lâu, để nâng cao hiệu quả của việc sử dụng năng lượng mặt trời trong xây dựng, chính quyền thành phố đã quy định phải lập hồ

sơ đăng ký đối với hệ thống sản phẩm năng lượng dự định đưa vào sử dụng, những sản phẩm nào không qua đăng ký thì không được phép sử dụng, đồng thời không ngừng mở rộng phạm vi ứng dụng của nó.

3. Chính sách khích lệ và những dự án điển hình

Trong thực tế, Ban Nhà ở - Đô thị và Nông thôn thành phố Duy Phường cũng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc giảm phát thải cacbon trong xây dựng. Do đó, họ luôn tích cực học tập kinh nghiệm, nhanh chóng phát triển ngành năng lượng tái tạo .

Khu đô thị mới Phường Tử của thành phố Duy Phường, sau khi được Nhà nước công nhận là dự án điển hình về sử dụng năng lượng tái tạo trong xây dựng, đã được Nhà nước hỗ trợ hơn 14 triệu NDT; năm 2011, các huyện Chư Thành và An Khê được đưa vào danh sách là huyện điển hình sử dụng năng lượng tái tạo trong xây dựng, và được hỗ trợ hơn 18 triệu NDT từ ngân sách Trung ương. Ngoài ra, tiểu khu Thọ Quang, tiểu khu Long Đình... cũng được chứng nhận là dự án sử dụng năng lượng tái tạo trong xây dựng có hiệu quả cao.

Công nghệ bơm địa nhiệt của thành phố Duy Phường cũng khá phát triển, diện tích ứng dụng bơm địa nhiệt của toàn thành phố khoảng hơn 4 triệu m². Trong đó, tập đoàn Hồng Lực và

Khoa Linh dẫn đầu toàn quốc về sử dụng phương pháp này. Tập đoàn Hồng Lực đã nghiên cứu và phát triển công nghệ “Thiên địa hợp nhất” bằng cách tích hợp cả năng lượng mặt trời và năng lượng địa nhiệt vào trong công trình xây dựng, đây là công nghệ tiết kiệm năng lượng được đánh giá cao trong năm 2009 ở tỉnh Sơn Đông. Ước tính, cứ 10 nghìn m² xây dựng sử dụng công nghệ này có thể tiết kiệm 181 tấn than quy tiêu chuẩn/năm, giảm phát thải 453 tấn cacbon đioxit, chi phí vận hành làm ấm vào mùa đông cho mỗi m² xây dựng chỉ dao động trong khoảng 10 NDT.

Với những kết quả đạt được như trên, từ kinh nghiệm của thành phố Duy Phường cho thấy, bên cạnh việc duy trì tăng trưởng, cần bảo đảm quán triệt quan điểm phát triển nền kinh tế ít phát thải, quy định rõ ràng trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân trong việc tiết kiệm năng lượng, có cơ chế hỗ trợ và khen thưởng đối với các dự án ứng dụng năng lượng tái tạo ...

Ban Nhà ở - Đô thị và Nông thôn Duy Phường, tỉnh Sơn Đông

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị & Nông thôn Trung Quốc số 12/2011

ND: Bích Ngọc

HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THỊ XÃ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2012



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị chủ trì Hội nghị



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Ngọc Hồi phát biểu tại Hội nghị